



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 5/2024



MỤC LỤC



| | |
|---|-----------|
| PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI | 1 |
| 1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 4/2024 | 1 |
| 1.1. Tổng quan chung | 1 |
| 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới | 2 |
| 2. Dự báo tăng trưởng | 7 |
| PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM | 9 |
| 1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 4/2024 | 9 |
| 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội | 9 |
| 1.1.1. Sản xuất công nghiệp | 9 |
| 1.1.2. Xuất nhập khẩu | 9 |
| 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp | 11 |
| 1.1.4. Hoạt động đầu tư | 11 |
| 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng | 12 |
| 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ | 13 |
| 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng | 13 |
| 1.2.2. Lãi suất | 13 |
| 1.2.3. Tỷ giá | 14 |
| 1.2.4. Giá vàng | 14 |
| 1.2.5. Chứng khoán | 14 |
| 1.2.6. Lạm phát | 15 |
| 2. Dự báo kinh tế Việt Nam | 16 |
| 2.1. Về chủ trương, chính sách | 16 |
| 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam | 16 |
| PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO | 19 |
| 1. Thị trường dầu thô | 19 |
| 2. Thị trường khí | 25 |
| 3. Thị trường phân bón | 29 |
| 4. Thị trường điện | 32 |
| PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ | 34 |
| <i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 4 năm 2024</i> | 35 |



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 4/2024

1.1. Tổng quan chung

PMI sản xuất tháng 4/2024 giảm 0,3 điểm, đạt 50,3 vào tháng 4/2024, giảm từ mức cao nhất trong 20 tháng của tháng 3/2024 là 50,6 nhưng trên mức trung tính 50,0 trong tháng thứ ba liên tiếp.

Sự tăng trưởng trong sản xuất toàn cầu được duy trì trong tháng 4/2024, khi lượng công việc mới tăng lên và thương mại quốc tế mở rộng đã hỗ trợ sản xuất phát triển. Cũng có dấu hiệu tăng áp lực giá khi tốc độ tăng của cả chi phí đầu vào và giá bán đều tăng.

Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm, mặc dù lạm phát tại các khu vực kinh tế lớn đã có dấu hiệu cải thiện, nhưng vẫn đang ở mức cao. Bên cạnh đó, đà tăng chóng mặt của giá hàng hóa, đặc biệt là giá dầu và vàng đã làm phức tạp thêm nỗ lực kiểm soát lạm phát của các ngân hàng trung ương.

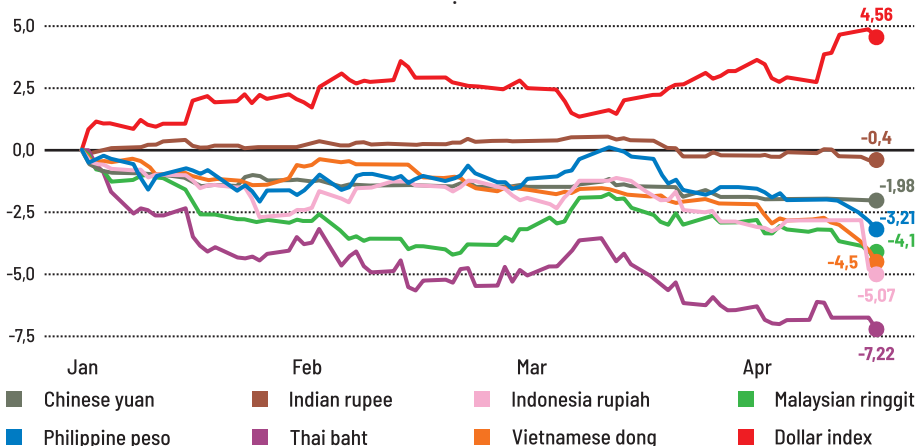
Đáng chú ý, trong tháng qua, việc giá trị đồng đô la Mỹ (USD) tăng mạnh do Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) chưa đưa ra thời gian cụ thể nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm lãi suất kết hợp với nhu cầu tìm nguồn tài sản an toàn của các nhà đầu tư trong bối cảnh có nhiều biến động về chính trị và tài chính hiện nay đã gây ra tác động lớn tới những đồng tiền khác trên toàn thế giới.

Tại các nền kinh tế mới nổi, sức mạnh của đồng USD đã làm tăng thêm áp lực lên các nền kinh tế khi đồng nội tệ liên tục suy yếu, điều này được thể hiện rõ nhất tại các nước châu Á, điển hình như đồng rupee của Ấn Độ đã sụt giảm xuống mức yếu nhất từ trước đến nay, đồng rupiah của Indonesia đang ở mức thấp nhất trong 4 năm, trong khi đồng ringgit của Malaysia gần chạm mức đáy ghi nhận vào khủng hoảng tài chính châu Á năm 1998...

Trong khi đó, các ngân hàng trung ương tại những quốc gia có nền kinh tế phát triển như Anh, Australia và khu vực đồng Euro cũng chịu tác động tiêu cực từ việc đồng USD mạnh lên khi sẽ có ít dư địa để hạ lãi suất hơn do tỷ giá suy yếu khiến lạm phát trong nước bùng lên. Những quốc gia bị tổn thương nhiều nhất sẽ là những nước phụ thuộc nhiều vào hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ hoặc có nợ nước ngoài lớn.

BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ CÁC TIỀN TỆ CHÂU Á
SO VỚI USD TỪ ĐẦU NĂM 2024 CHO ĐẾN NAY

Đơn vị tính: %



Nguồn: LSEG Datastream

Bên cạnh những thách thức về tỷ giá, nợ công toàn cầu tăng cao thì kinh tế thế giới còn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn từ xung đột địa chính trị có thể làm thay đổi nhanh chóng xu hướng của mọi thứ, từ dầu mỏ đến trái phiếu khiến gia tăng nguy cơ lạm phát bùng phát trở lại. Ngoài ra, căng thẳng địa chính trị dẫn đến khả năng làm đứt mạch chuỗi cung ứng, gián đoạn hoạt động thương mại toàn cầu khiến cho ngày càng có nhiều nước ủng hộ các biện pháp tăng cường tính độc lập và an ninh chuỗi cung ứng của họ, một xu hướng sẽ gây ra hạn chế thương mại tự do và kìm hãm tăng trưởng toàn cầu.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

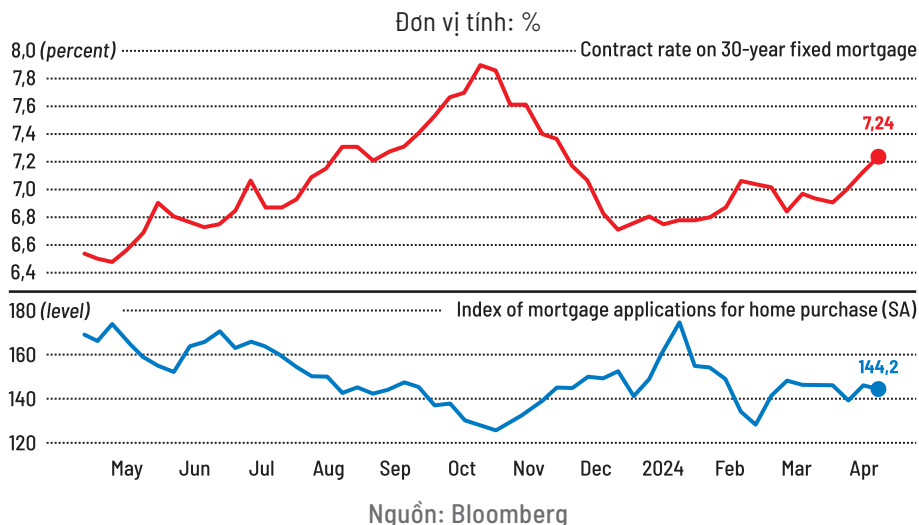
▪ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 4/2024 giảm 1,9 điểm đạt mức 50,0 điểm trung tính so với tháng 3/2024 (51,9 điểm), báo hiệu sự kết thúc của chuỗi ba tháng cải thiện điều kiện hoạt động. Số lượng đơn đặt hàng mới sản xuất giảm lần đầu tiên trong 4 tháng đầu năm 2024.

Hoạt động kinh doanh tại Mỹ đã chậm lại trong tháng 4 xuống mức thấp nhất trong vòng 4 tháng đầu năm 2024, do nhu cầu yếu hơn, trong khi giá đầu vào vẫn tăng mạnh. Chỉ số PMI tổng hợp theo dõi các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ của Mỹ trong tháng 4 đã giảm xuống mức 50,9 từ mức 52,1 của tháng 3. Đồng thời, chỉ số về số lượng đơn đặt hàng mới mà các doanh nghiệp tư nhân nhận được cũng giảm xuống còn 48,4 trong tháng 4, từ mức 51,7 của tháng 3, mức giảm lần đầu tiên trong vòng 6 tháng.

Bên cạnh đó, một trong những thách thức lớn mà nền kinh tế Mỹ đang phải đối mặt là việc giá nhà ở Mỹ đang tăng nhanh, việc mua nhà ngày càng trở nên đắt đỏ hơn trong tương quan so sánh với thu nhập hộ gia đình ở Mỹ. Lãi suất vay thế chấp nhà tại Mỹ đã tăng lên mức cao nhất trong 5 tháng qua, khiến nhu cầu mua nhà giảm sút, lãi suất cho vay thế chấp cố định trong 30 năm trong tháng 4 đã đạt mức cao nhất kể từ ngày 24/11 năm ngoái.

LÃI SUẤT VAY THẾ CHẤP CỦA MỸ LÊN TĂNG MỨC CAO NHẤT TRONG 5 THÁNG

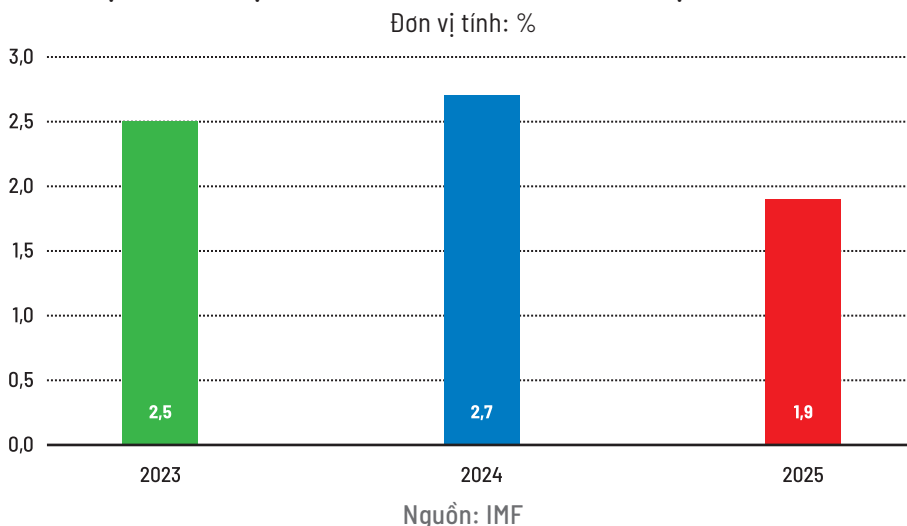


Đặc biệt, ngày 26/4, Quỹ Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC) đã thông báo về việc đóng cửa của ngân hàng Republic First Bank, đánh dấu vụ sụp đổ ngân hàng đầu tiên tại Mỹ trong năm nay, qua đó cho thấy các ngân hàng Mỹ vẫn đang trong thời kỳ bất ổn do lãi suất cao.

Trong tháng qua, sự tăng giá mạnh mẽ của đồng USD cho thấy nền kinh tế Mỹ đã tránh được nguy cơ suy thoái, tuy nhiên do thâm hụt ngân sách của Mỹ đang ngày càng tăng kỷ lục khiến tình trạng lạm phát cao vẫn có xu hướng tiếp tục kéo dài và làm chậm lại tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Dự báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm nay, trong báo cáo ngày 16/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2024 đạt 2,7%, cao hơn so với mức 2,1% được đưa ra hồi tháng 1 và sẽ chỉ đạt 1,9% vào năm 2025, cao hơn một chút so với dự báo trước đó.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỸ GIAI ĐOẠN 2024 - 2025



▪ Trung Quốc

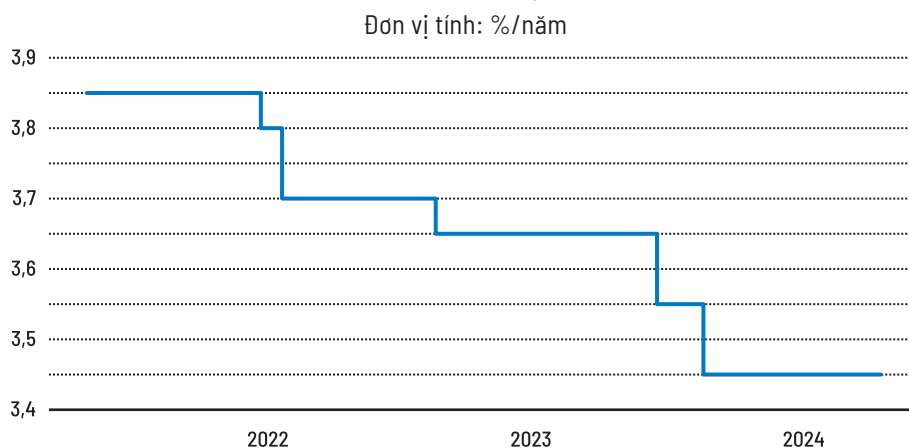
PMI sản xuất tháng 4/2024 tăng 0,3 điểm, lên mức 51,4 điểm so với tháng 3/2024 (51,1 điểm). Các điều kiện trong lĩnh vực sản xuất ở Trung Quốc tiếp tục được cải thiện tháng thứ sáu liên tiếp nhờ số lượng đơn đặt hàng mới tăng lên. Các nhà sản xuất Trung Quốc đã nâng mức sản xuất lên tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 5 năm 2023, bất chấp nguy cơ tăng tồn kho.

Kinh tế Trung Quốc tiếp tục đà phục hồi chậm trong tháng 4, rủi ro giảm phát vẫn kéo dài khi đồng nội tệ suy yếu và làn sóng vỡ nợ bất động sản tiếp tục gia tăng.

Các doanh nghiệp Trung Quốc trong tháng qua đã tăng cường tích trữ USD trong bối cảnh các nhà đầu tư dự đoán đồng nhân dân tệ (NDT) sẽ ngày càng mất giá hơn nữa. Thực trạng này càng làm trầm trọng thêm đà giảm giá của NDT, vốn đang chịu áp lực vì thị trường chứng khoán trong nước bất ổn và triển vọng tăng trưởng kém khả quan của nền kinh tế.

Trước tình hình đó, các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc đã đưa ra nhiều biện pháp mới để duy trì tăng trưởng kinh tế, ngoài việc dựa vào xây dựng và đầu tư công nghiệp khác như tăng cường cho vay, nới lỏng các điều kiện tiền tệ... nhằm củng cố nhu cầu và niềm tin thị trường. Ngày 22/4, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) đã quyết định tiếp tục giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản ở mức cố định hàng tháng, với lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm giữ nguyên ở mức 3,45% và lãi suất cho vay kỳ hạn 5 năm duy trì ở mức 3,95%.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CHO VAY KỲ HẠN 1 NĂM
CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2022 ĐẾN NAY

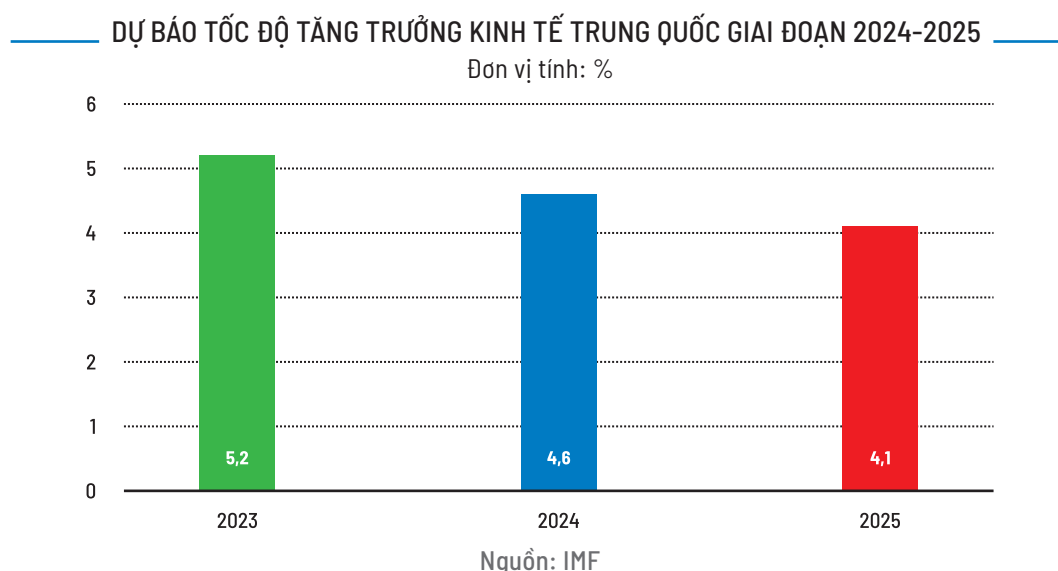


Nguồn: PBOC

Ngoài những thách thức trên, hiện nay đặc điểm nhân khẩu học đang trở thành lực cản đối với nền kinh tế Trung Quốc. Tỷ lệ sinh giảm dẫn đến tăng trưởng dân số chậm hơn và giảm tỷ lệ phụ thuộc trẻ, dân số già cũng đặt ra thách thức đối với triển vọng đầu tư vì có thể dẫn đến lợi nhuận trên vốn thấp hơn so với lao động, làm giảm động lực đầu tư của các doanh nghiệp. Điều này, kết hợp với việc tái cân bằng tăng trưởng của Trung Quốc từ phát triển dựa vào đầu tư sang phát triển dựa vào đổi mới và tiêu dùng, có thể làm giảm đáng kể vai trò của vốn trong tăng trưởng kinh tế tổng thể so với những giai đoạn trước.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

Theo dữ liệu được công bố ngày 16/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 4,6% trong năm nay và 4,1% trong năm 2025, tương tự như dự báo hồi tháng 1, báo cáo nêu rõ tăng trưởng kinh tế nước này giảm chủ yếu do nói lỏng gói kích thích tài chính và thúc đẩy tiêu dùng sau đại dịch COVID-19, cùng với thị trường bất động sản đang suy giảm.



Trong khi đó, với góc nhìn lạc quan hơn, theo báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á công bố ngày 11/4, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 4,8% trong năm nay, cao hơn mức dự báo 4,5% đưa ra vào tháng 12 năm ngoái, song thấp hơn mức tăng trưởng 5,2% năm 2023.

▪ EU

PMI sản xuất tháng 4/2024 tiếp tục giảm 0,4 điểm, đạt mức 45,7 điểm so với tháng 3/2024 (46,1 điểm) - tiếp tục chuỗi xu thế thu hẹp sản xuất trong tháng thứ 22 liên tiếp.

Tại khu vực châu Âu (EU), hoạt động kinh doanh tăng trưởng trong tháng 4 với tốc độ nhanh nhất trong gần một năm, chủ yếu được thúc đẩy bởi ngành dịch vụ. Trong khi đó, hoạt động sản xuất vẫn chưa được phục hồi, sản lượng của các nhà máy tiếp tục xu hướng giảm mạnh.

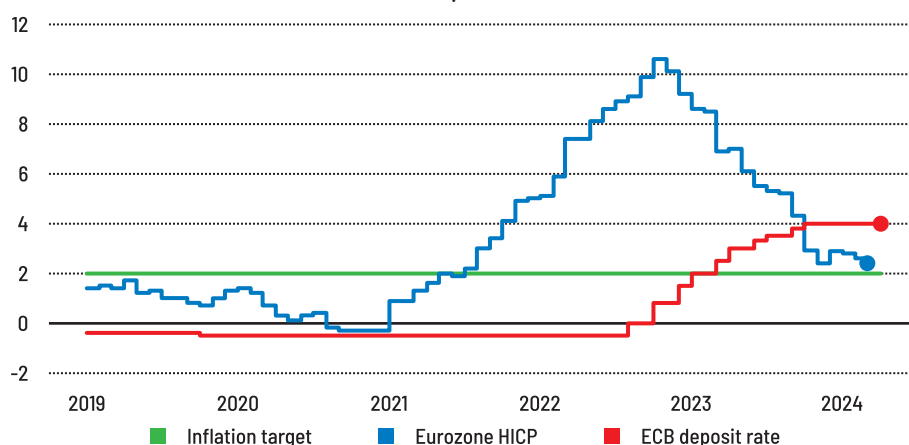
Chỉ số PMI tổng hợp của khu vực châu Âu trong tháng 4 tăng lên mức 51,4 điểm trong tháng 4, từ 50,3 điểm trong tháng 3, là mức cao nhất trong 11 tháng và cho thấy tốc độ tăng trưởng nhanh hơn dự đoán của các nhà kinh tế. Đồng thời, chỉ số niềm tin đầu tư tại khu vực châu Âu ở mức -5,9 điểm trong tháng 4, tăng lên từ mức -10,5 điểm của tháng trước và đồng thời cao hơn mức -8,3 điểm theo dự báo, đây là mức cao nhất kể từ sau khi chiến tranh tại Ukraine diễn ra vào tháng 03/2022.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

Trong tháng 4, áp lực lạm phát tại khu vực châu Âu tiếp tục giảm do giá lương thực và hàng hóa giảm, tuy nhiên áp lực giá ở lĩnh vực dịch vụ vẫn đang ở mức cao. Trước nhiều tín hiệu lạc quan từ nền kinh tế, ngày 11/4, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định giữ lãi suất ổn định ở mức 4% trong cuộc họp thứ 5 liên tiếp, đồng thời phát đi tín hiệu rằng có thể chuẩn bị cắt giảm lãi suất khi lạm phát khu vực đồng euro tiếp tục giảm.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU (ECB)

Đơn vị tính: %



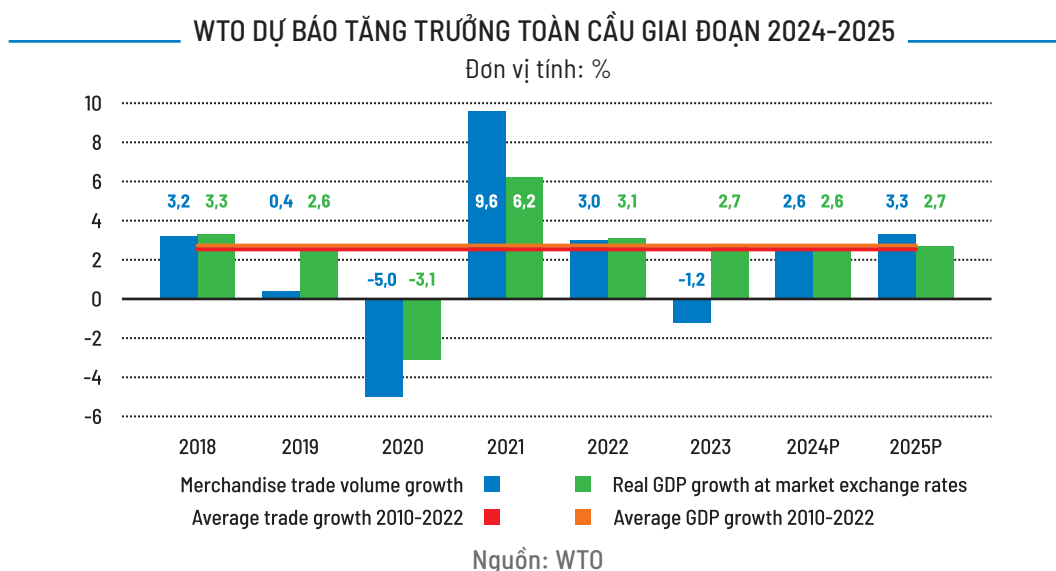
Nguồn: ECB

Về tăng trưởng, theo dữ liệu được công bố ngày 16/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực sử dụng đồng Euro năm 2024 từ mức 0,9% được đưa ra trong báo cáo trước đó xuống 0,8%, chủ yếu do do nền kinh tế đầu tàu là Đức yếu kém. IMF đã hạ dự báo tăng trưởng đối với kinh tế Đức từ mức 0,5% như dự báo hồi tháng 1/2024 xuống 0,2%, không có nền kinh tế phát triển nào trên thế giới có tốc độ tăng trưởng thấp như vậy.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng qua, các tổ chức lớn trên thế giới đều đã đưa ra những dự báo lạc quan đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 và năm 2025. Những dự báo tích cực này phản ánh niềm tin vào sự hồi phục của nền kinh tế sau những thách thức từ đại dịch và những biến động chính trị.

Ngày 10/4, WTO dự báo tăng trưởng thương mại thế giới có thể đạt 2,6% trong năm 2024 và 3,3% vào năm 2025. Tuy nhiên, WTO cũng cảnh báo các cuộc xung đột khu vực, căng thẳng địa chính trị và bất ổn trong chính sách kinh tế có thể phủ bóng lên triển vọng thương mại toàn cầu.



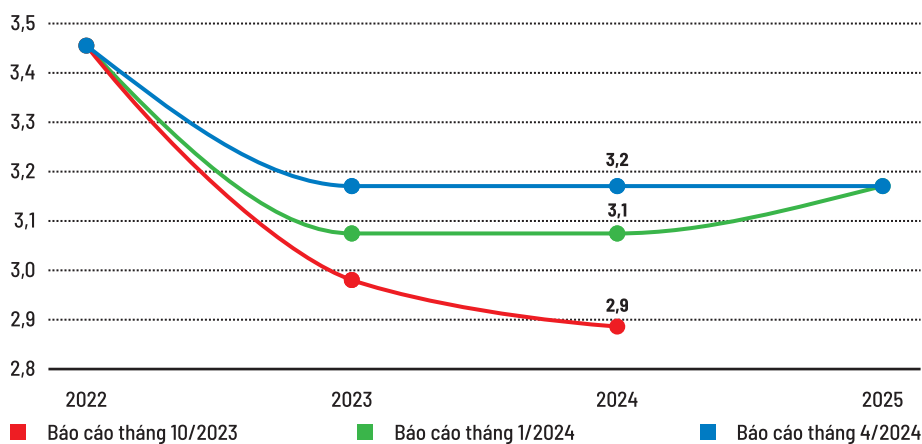
Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới của IMF công bố ngày 16/4/2024 nhận định: cơ bản là nền kinh tế thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức 3,2% trong năm 2024 và 2025, với tốc độ tương tự như năm 2023.

Dự báo tăng trưởng toàn cầu trong 5 năm tới sẽ ở mức 3,1% - là mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm đều đặn, từ 6,8% năm 2023 xuống 5,9% năm 2024 và 4,5% năm 2025, trong đó các nền kinh tế tiên tiến quay trở lại mục tiêu lạm phát sớm hơn các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Lạm phát cơ bản nhìn chung được dự báo sẽ giảm dần.

Nền kinh tế toàn cầu đã có khả năng phục hồi đáng kinh ngạc, bất chấp việc các ngân hàng trung ương tăng lãi suất đáng kể để khôi phục sự ổn định về giá. Mức tăng trưởng sản lượng bình quân đầu người được dự đoán sẽ thấp hơn, đáng chú ý là xuất phát từ những xung đột ngăn cản vốn và lao động chuyển sang các doanh nghiệp có năng suất cao. Triển vọng tăng trưởng mờ mịt ở Trung Quốc và các nền kinh tế thị trường mới nổi lớn khác sẽ ảnh hưởng xấu đến các đối tác thương mại.

IMF DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF

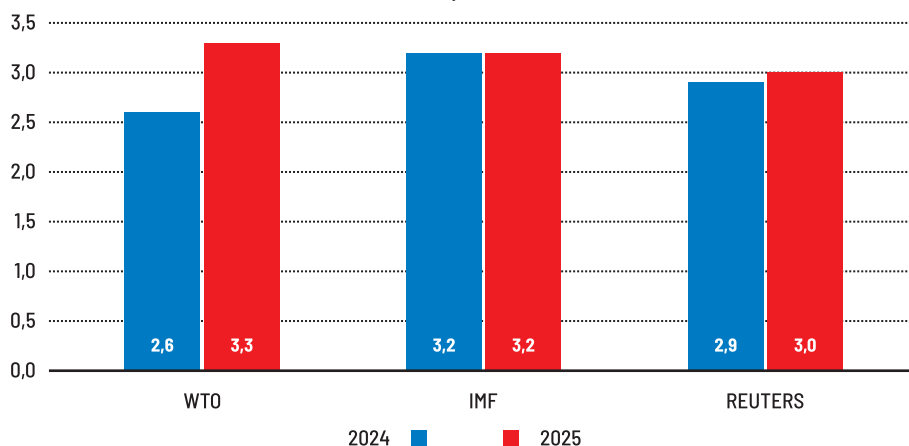
Mặc dù tiếp tục duy trì dự báo tăng trưởng, nhưng IMF cảnh báo lãi suất cao và việc ngừng hỗ trợ tài chính đang đè nặng lên tăng trưởng ngắn hạn, trong khi triển vọng trung hạn vẫn yếu nhất trong nhiều thập kỷ do năng suất thấp và căng thẳng thương mại toàn cầu.

Đồng quan điểm cho rằng tăng trưởng của kinh tế toàn cầu nhiều khả năng sẽ mạnh hơn trong năm 2024, *trong báo cáo kết quả khảo sát của Reuters đối với 500 nhà kinh tế về 48 nền kinh tế được công bố trong tháng 4, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo đạt 2,9% trong năm nay và đạt 3% trong năm 2025, tăng trưởng năm 2024 đã tăng mạnh hơn so với mức tăng 2,6% theo khảo sát vào tháng 1/2024.*

CÁC TỔ CHỨC TRÊN THẾ GIỚI

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2024 -2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz tổng hợp



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 4/2024

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 4/2024, tăng 0,4 điểm lên trên ngưỡng 50 điểm, đạt 50,3 điểm so với tháng 3/2024 (49,9 điểm).

Ngành sản xuất của Việt Nam tăng trưởng trở lại trong tháng 4/2024 khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh giúp sản lượng tăng trở lại. Tuy nhiên, việc làm và niềm tin kinh doanh giảm, chi phí đầu vào tăng ảnh hưởng đến tăng trưởng. Một nhân tố khác giúp các nhà sản xuất có số lượng đơn đặt hàng mới tăng là giá bán hàng đã giảm tháng thứ hai liên tiếp. Mức giảm giá lần này là đáng kể nhất trong thời gian chín tháng.

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 4/2024 tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2024 ước tính tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện tăng 11,3%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,6%; riêng ngành khai khoáng giảm 6,8%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 6,0% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,5%).

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 4, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 61,20 tỷ USD, giảm 5,2% so với tháng trước và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 238,88 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15%; nhập khẩu tăng 15,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8,4 tỷ USD.

▪ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 4/2024 ước đạt 30,94 tỷ USD, giảm 8,1% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 123,64 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 108,27 tỷ USD, chiếm 87,5%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

▪ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 4/2024 ước đạt 30,26 tỷ USD, giảm 2% so với tháng trước và tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 115,24 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu bốn tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 108,33 tỷ USD, chiếm 94%.

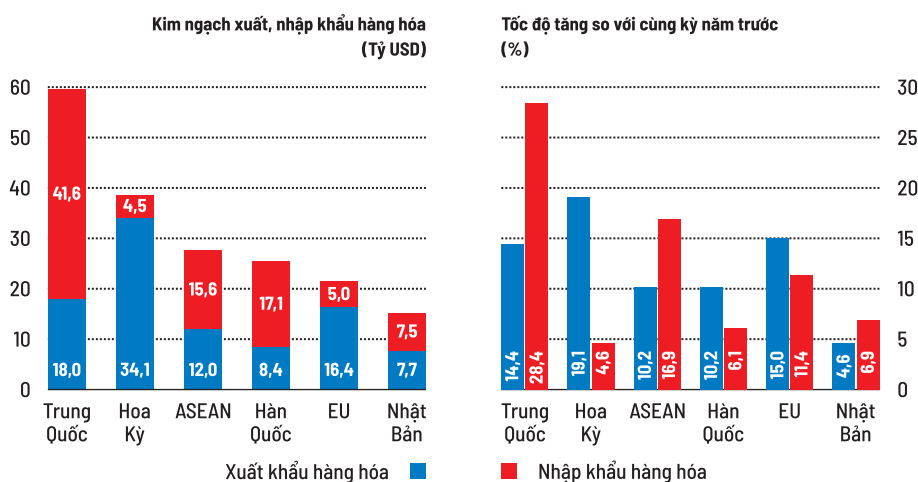
KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 4 ước tính xuất siêu 0,68 tỷ USD. Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 7,66 tỷ USD).

THỊ TRƯỜNG XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CHỦ YẾU 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

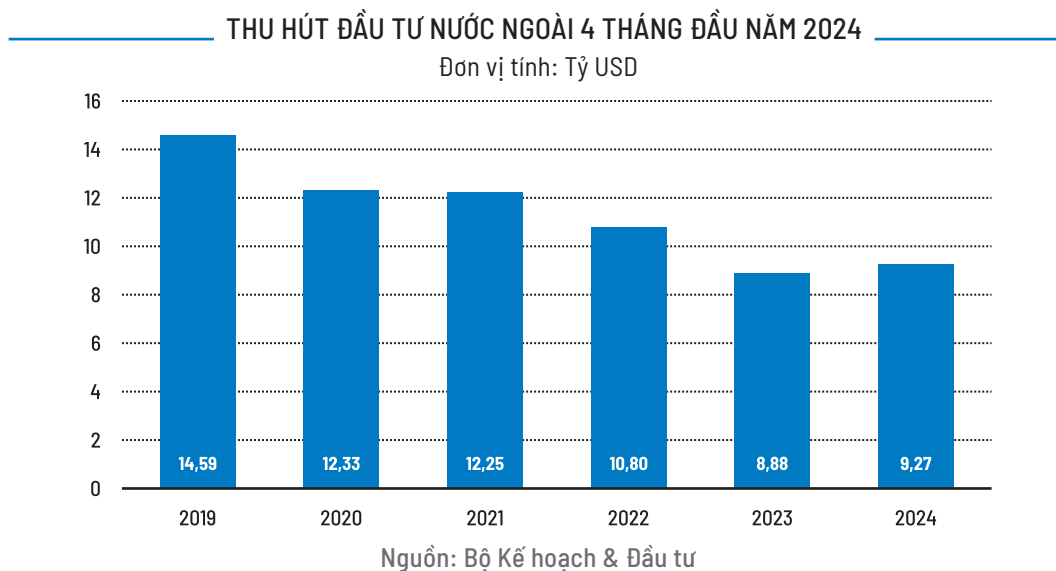
Tình hình đăng ký doanh nghiệp có dấu hiệu tích cực hơn. Trong tháng 4, số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường là 15.300 doanh nghiệp, cao hơn số rút lui khỏi thị trường (13.600 doanh nghiệp); doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể và giải thể lần lượt giảm 20,2% và 10,9% so với cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng, số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường là gần 81.300 doanh nghiệp, tăng 3% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể và đã giải thể là 25.500 doanh nghiệp, giảm 5,3%.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 4/2024 ước đạt gần 44 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 142,8 nghìn tỷ đồng, bằng 20,1% kế hoạch năm và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 18,4% và tăng 5,5%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 9,27 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bốn tháng đầu năm 2024 ước đạt 6,28 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

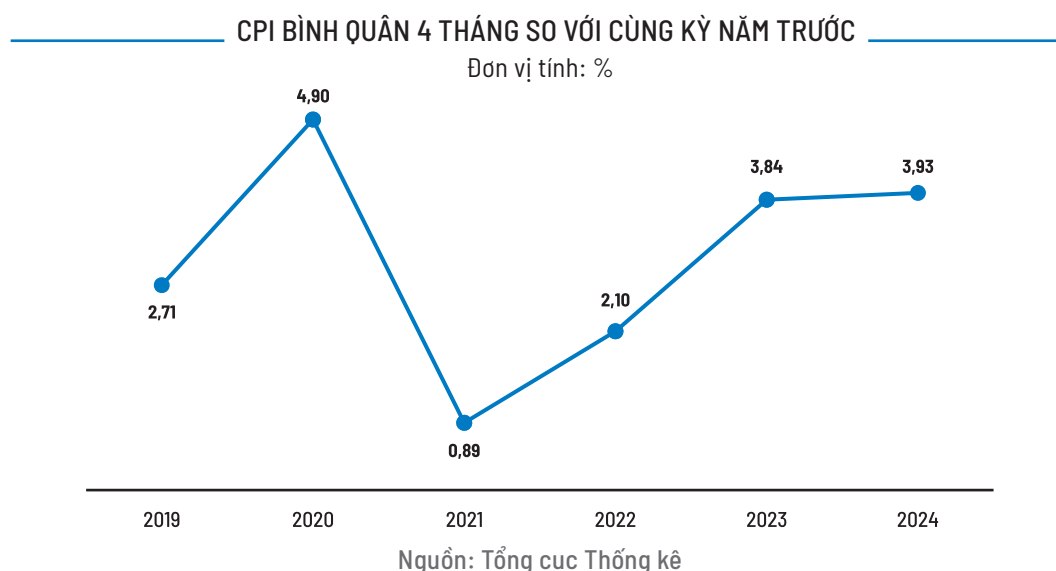
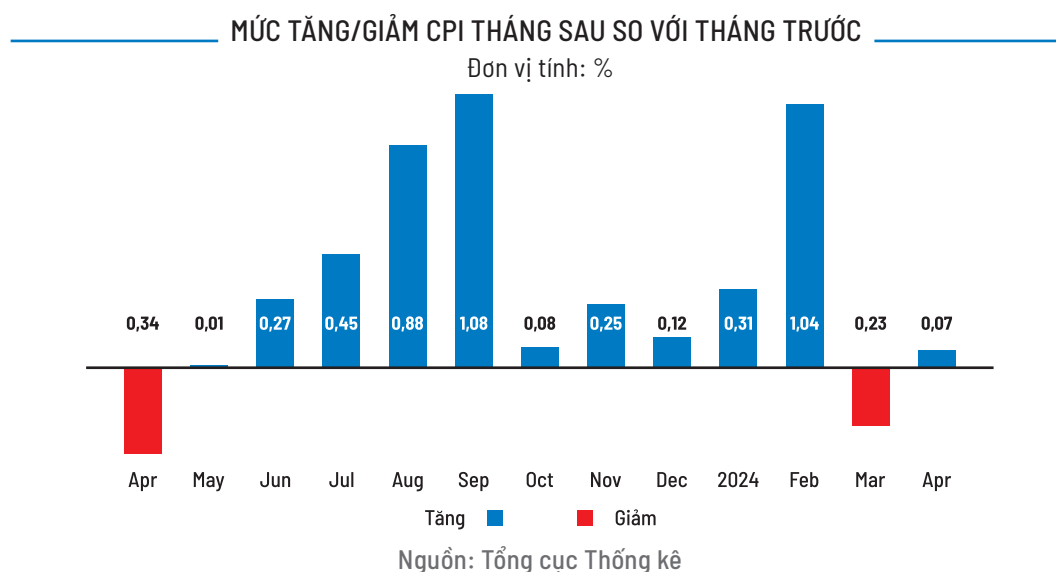
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng đầu năm 2024 có 36 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 98,3 triệu USD, giảm 29,8% so với cùng kỳ năm trước.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 tăng 0,07% so với tháng trước, nguyên nhân chính do giá xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới. So với tháng 12/2023 CPI tháng 4 tăng 1,19% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,4%.

Bình quân 4 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,93% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,81%.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong tháng 4, tốc độ tăng trưởng tín dụng đã nhích tăng, tuy nhiên vẫn còn ở mức thấp. Tính đến ngày 10/4/2024, tổng tăng trưởng tín dụng đạt trên 1%, trong khi cùng kỳ năm 2023 tăng gần 2,5%.

Mặc dù các ngân hàng đã cam kết mở rộng cơ hội vay vốn nhưng thực tế, nhiều doanh nghiệp, khách hàng vẫn đối diện với khó khăn trong việc đáp ứng các điều kiện cần thiết để tiếp cận nguồn vốn này. Cụ thể, các vấn đề như thiếu tài sản đảm bảo, báo cáo tài chính không rõ ràng và quản trị doanh nghiệp chưa chuyên nghiệp là những rào cản lớn.

Bên cạnh đó, việc thúc đẩy tín dụng bằng cách giảm lãi suất sẽ đẩy các ngân hàng thương mại (NHTM) vào trạng thái thiếu đi bộ đệm trích lập dự phòng cho những khoản nợ xấu phát sinh, đặc biệt tại nhóm ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) sẽ có rủi ro cao hơn so với nhóm NHTM nhà nước (NHTMNN).

Nguyên nhân thứ nhất đến từ cơ cấu cho vay của nhóm NHTMNN được hỗ trợ nhiều từ nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp nhà nước với dòng tiền trả nợ và xếp hạng tín nhiệm cao hơn hẳn so với nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) hay khách hàng cá nhân.

Nguyên nhân thứ hai là tỷ lệ bao phủ nợ xấu cuối năm 2023 của các NHTMNN và NHTMCP lần lượt là 188,9% và 61,1%, đây là một sự chênh lệch rất lớn cho thấy nhóm NHTMCP không còn nhiều dư địa cho việc xử lý nợ xấu và điều này ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng tăng trưởng tín dụng trong năm 2024 của nhóm ngân hàng này.

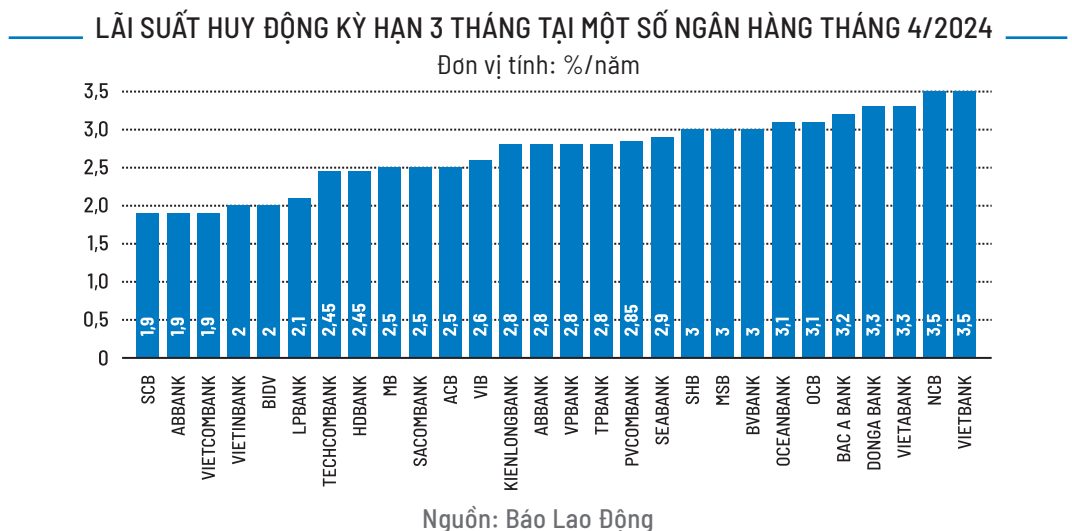
Nhìn chung, khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% trong năm 2024 vẫn đang là một thách thức lớn, nhất là khi các ngân hàng rất thận trọng trước yêu cầu về an toàn tín dụng còn các doanh nghiệp thì gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận vốn tín dụng.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 4, hầu hết các ngân hàng đều đã điều chỉnh tăng lãi suất tiết kiệm cả ngắn hạn và dài hạn. Đáng chú ý, có những nhà băng điều chỉnh tăng lãi suất đến 2 lần liên tiếp.

Tính đến ngày 30/4, có tới 16 ngân hàng có tới 16 ngân hàng tăng lãi suất tiết kiệm gồm: HDBank, MSB, Eximbank, NCB, Bac A Bank, GPBank, OceanBank, BVBank, PVComBank, CBBank, BIDV, TPBank, VPBank, KienLong Bank, VietinBank, ACB. Trong đó, VPBank và KienLong Bank là ngân hàng có 2 lần điều chỉnh tăng lãi suất tiết kiệm tại một số kỳ hạn. Đây cũng là lần đầu tiên trong vòng một năm qua, số lượng ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất lại lớn như vậy.

Đối với kỳ hạn 3 tháng, đa số các ngân hàng đã kéo mặt bằng lãi suất huy động xuống quanh mức 1,9 - 3,5%/năm với hình thức lĩnh lãi cuối kỳ. Trong đó, phần lớn các ngân hàng đều huy động lãi suất về mức dưới 3%/năm. Ngoài ra, phạm vi lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng đang dao động từ 3-4,8%/năm, kì hạn 12 tháng dao động quanh ngưỡng 4,3-9,5%/năm.



1.2.3. Tỷ giá

Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ tăng do Fed chưa đưa ra thời gian cụ thể nới lỏng chính sách tiền tệ. Trong nước, nhu cầu đô la Mỹ của các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu tăng, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.120 VND/USD.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2024 **tăng 1,2%** so với tháng trước; **tăng 3,03%** so với tháng 12/2023; **tăng 6,51%** so với cùng kỳ năm trước; **bình quân 4 tháng đầu năm 2024 tăng 4,6%**.

1.2.4. Giá vàng

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 4/2024 tăng 6,95% so với tháng trước; tăng 17,01% so với tháng 12/2023; tăng 28,62% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm, chỉ số giá vàng tăng 20,75%.

1.2.5. Chứng khoán

Trong tháng 4, hầu hết các nhóm cổ phiếu và các nhóm ngành đều chịu áp lực điều chỉnh theo diễn biến thị trường chung. Tuy nhiên, trên thị trường có 3 nhóm ngành vẫn giữ được sắc xanh bao gồm: du lịch, công nghệ thông tin và bán lẻ.

Thanh khoản thị trường trong tháng 4 đạt khoảng gần 16 tỷ cổ phiếu, giảm nhẹ so với tháng 3 nhưng vẫn tương đương với trung bình 5 tháng gần nhất. Tổng giá trị giao dịch bình quân trong tháng đạt 24.405 tỉ đồng, giảm 18% so với tháng 3 nhưng vẫn tăng hơn 11% so với mức bình quân 3 tháng đầu năm. Trong đó, tỉ trọng phân bổ dòng tiền duy trì hồi phục từ đáy ở bất động sản; chạm đỉnh ở dầu khí, bán lẻ, công nghệ thông tin, hàng không, viễn thông.

Tính theo quy mô vốn hóa, tỉ trọng phân bổ dòng tiền tăng lên ở nhóm vốn hóa lớn, đạt 42,5% trong tháng 4. Ngược lại, tỉ trọng phân bổ dòng tiền giảm về mức 42,6% ở nhóm vốn hóa vừa và 8,5% ở nhóm vốn hóa nhỏ.

Về biến động giá, chỉ số nhóm cổ phiếu nhỏ và vừa chịu áp lực **điều chỉnh mạnh, giảm lần lượt 8,61% và 6,72%** trong khi đó chỉ số của nhóm vốn hóa lớn VN30 giảm -4,35%, ít hơn so với mức giảm chung.

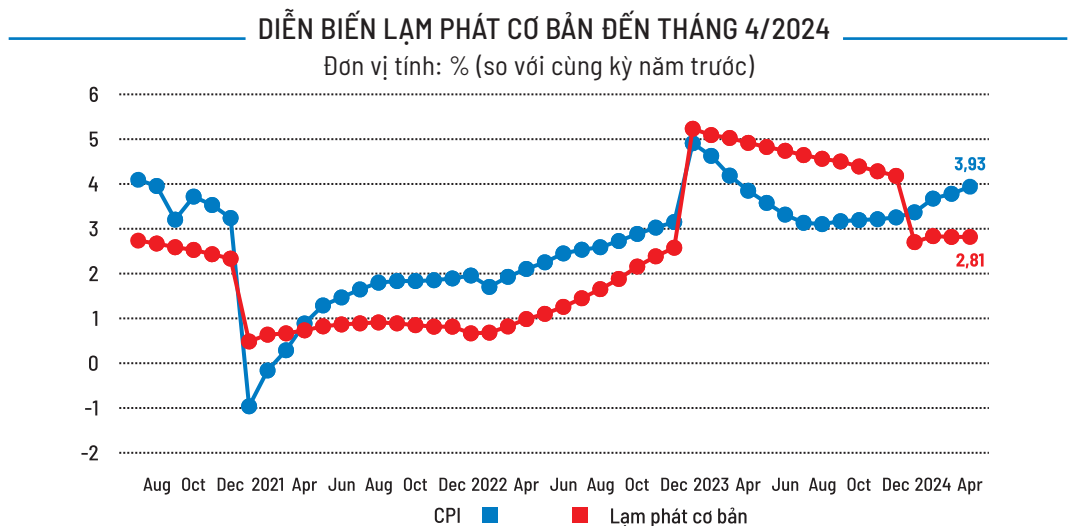
Trong tháng qua, nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục thu hút dòng tiền lớn từ các nhà đầu tư, nhất là các mã PVD, PVS, PVT, GAS, BSR... nhờ những thông tin tích cực về các dự án Lô B - Ô Môn, Sư Tử Trắng 2B, Lạc Đà Vàng và giá dầu tăng mạnh. Bên cạnh đó, giá cổ phiếu năng lượng tái tạo cũng đã tăng dựng đứng sau khi chính phủ phê duyệt quy hoạch điện VIII.

Dự báo năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn các biến số về căng thẳng địa chính trị thế giới, tình hình đảo lộn trái phiếu trong nước đặc biệt là trái phiếu ngành bất động sản và năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, dự báo trong năm 2024 thị trường sẽ được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất thấp, nền kinh tế phục hồi, hệ thống KRX vận hành sẽ củng cố cho khả năng nâng hạng của thị trường và giúp thanh khoản trên thị trường cải thiện.

1.2.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 4/2024 tăng 0,17% so với tháng trước và tăng 2,79% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân 4 tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,93%), chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu và giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ Đề xuất giảm thuế GTGT đến hết năm 2024

Trên cơ sở đánh giá các kết quả đạt được khi giảm thuế GTGT 2%, Chính phủ đề xuất Quốc hội xem xét tiếp tục giảm 2% thuế GTGT với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế suất 10%. Thời gian áp dụng là từ ngày 1/7 đến hết 31/12, tức kéo dài thêm 6 tháng so với quyết định cuối năm ngoài của Quốc hội.

Chính phủ tính toán việc tiếp tục giảm thuế GTGT trong 6 tháng cuối năm 2024 sẽ làm hụt thu ngân sách khoảng 24.000 tỉ đồng. Theo báo cáo của Chính phủ, 6 tháng đầu năm, việc giảm thuế này khiến thu ngân sách hụt 23.488 tỉ đồng. Như vậy, tổng nguồn thu giảm trong cả năm 2024 dự kiến là 47.488 tỉ đồng.

▪ Đề xuất cơ chế chuyển ngang giá khí sang giá điện cho các dự án sử dụng LNG nhập khẩu

Bộ Công Thương đã đưa ra đề xuất cơ chế chuyển ngang giá khí sang giá điện cho các dự án sử dụng LNG nhập khẩu trong Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế phát triển các dự án điện sử dụng khí thiên nhiên và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG). Theo Bộ Công Thương, nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án nhà máy điện sử dụng khí thiên nhiên và LNG. Cụ thể, đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện khí đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; các đơn vị điện lực bao gồm: Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam; đơn vị điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện.

Theo dự thảo nghị định, với các nhà máy điện khí sử dụng LNG nhập khẩu, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án nhà máy điện sử dụng LNG phải chủ động thực hiện các dự án đã có trong Quy hoạch điện theo đúng quy định, bảo đảm hiệu quả; thống nhất việc các doanh nghiệp phải chủ động đàm phán, ký kết và chịu trách nhiệm về các hợp đồng, thỏa thuận thương mại.

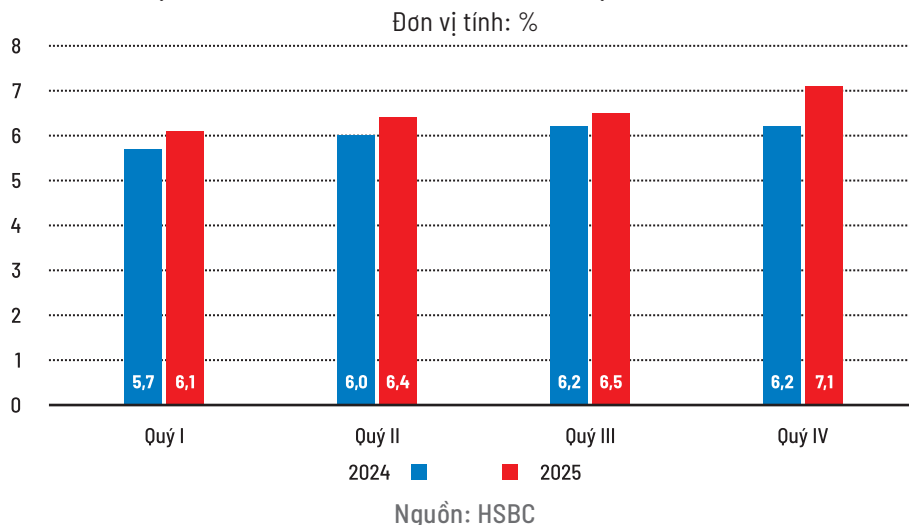
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Mặc dù nhiều rủi ro vẫn còn hiện hữu nhưng kinh tế Việt Nam năm 2024 vẫn được các tổ chức quốc tế dự báo có nhiều triển vọng tích cực và sẽ tiếp tục nằm trong nhóm đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Ngày 1/4, *United Overseas Bank (UOB)* dự báo tăng trưởng của Việt Nam là 6% cho năm 2024.

Ngày 5/4, *ngân hàng Hong Kong and Shanghai Banking (HSBC)* đã đưa ra dự báo dự báo tăng trưởng của Việt Nam là 6% cho năm 2024 và 6,5% cho năm 2025. Trong đó HSBC đã điều chỉnh dự báo theo quý giai đoạn 2024 - 2025 với kỳ vọng sự phục hồi sẽ lan rộng hơn nữa trong 6 tháng cuối năm 2024.

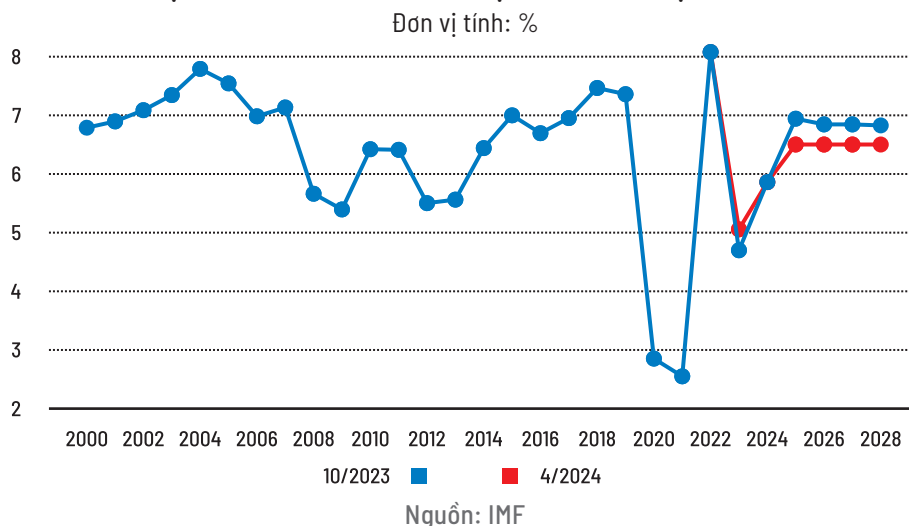
HSBC DỰ BÁO CÁC CHỈ SỐ VĨ MÔ CHÍNH CỦA VIỆT NAM NĂM 2024-2025



Cùng chung nhận định lạc quan với UOB và HSBC về dự báo về tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024, trong Báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á (ADO) số tháng 4/2024, ngày 11/4, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) giữ nguyên dự báo mức tăng trưởng 6% trong năm nay và 6,2% trong năm 2025, bất chấp những bất ổn kéo dài từ môi trường bên ngoài.

Ngày 16/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) vẫn duy trì dự báo tăng trưởng GDP thực tế của Việt Nam trong năm 2024 ở mức 5,8%, tuy nhiên đã hạ dự báo năm 2025 từ 6,9% trong báo cáo tháng 10/2023 xuống 6,5%. Ngoài ra, IMF cũng hạ một loạt dự báo dài hạn của Việt Nam kể từ năm 2025 đến 2029.

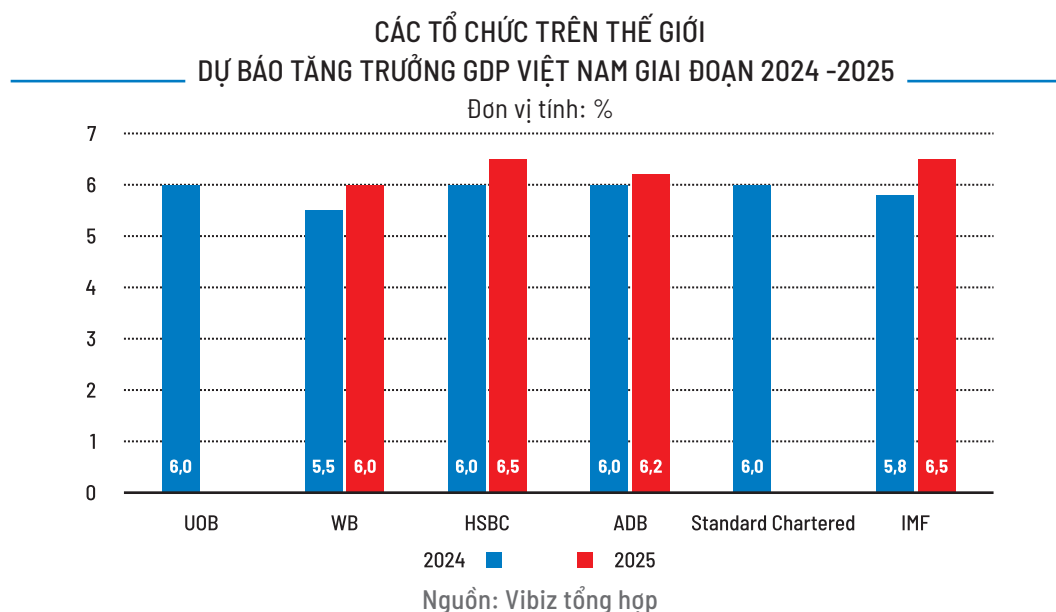
IMF DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2025-2029



Bên cạnh đó, ngày 23/4, WB dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2024 sẽ đạt 5,5% vào năm 2024 và tăng dần lên 6% vào năm 2025. Dự báo này dựa trên giả định xuất khẩu các mặt hàng chế tạo sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2024 (tăng 3,5% theo giá so sánh, so cùng kỳ năm trước), khi nhu cầu trên toàn cầu từng bước được cải thiện.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

Đồng quan điểm với WB khi đánh giá thận trọng hơn về khả năng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay, ngày 24/4, Ngân hàng Standard Chartered đã hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam xuống mức 6% năm 2024, so với dự báo 6,7% trước đó do tăng trưởng quý I/2024 thấp hơn dự kiến và những thách thức đến từ thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, dự báo này vẫn được xem là cải thiện hơn so với mức 5,0% của năm 2023.





THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Nguồn cung dầu mỏ trên toàn cầu tương đối dồi dào khi các nhà máy lọc dầu nhiều nơi đang trong thời kỳ bảo dưỡng trước mùa hè, sản lượng dầu tại Mỹ tăng và một số quốc gia không còn gián đoạn sản xuất.

Sản lượng dầu tại Libya đã hồi phục, do mỏ dầu lớn nhất hoạt động trở lại sau cuộc đình công hồi tháng 1. Xuất khẩu dầu thô của Mỹ sang châu Âu 4 tháng đầu năm cũng cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

Thậm chí, Nigeria, nước xuất khẩu dầu hàng đầu châu Phi trong tháng 4 vẫn chưa tìm được khách mua cho số dầu sẽ rời cảng vào tháng 5 do sản lượng dầu sản xuất dư thừa, Nigeria hiện vẫn còn ít nhất 35 trong tổng số 49 lô dầu chưa bán được.

Trong khi đó, nguồn cung dầu từ Nga cũng tăng mạnh, xuất khẩu dầu của Nga bằng đường biển đã đạt mức cao nhất trong 11 tháng và có xu hướng tiếp tục tăng.

Ngoài ra, các cuộc xung đột tại Trung Đông hiện chưa có tác động lớn đến các nhà máy sản xuất dầu trong khu vực này, do đó không gây ảnh hưởng mạnh đến nguồn cung dầu trên thế giới.

Trái ngược với việc dư thừa nguồn cung như các loại dầu thô khác, trong tháng qua nguồn cung dầu nặng rơi vào tình trạng thắt chặt qua sau khi Mexico và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất cắt giảm xuất khẩu.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng qua, nhu cầu dầu toàn cầu đã có dấu hiệu chậm lại, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao.

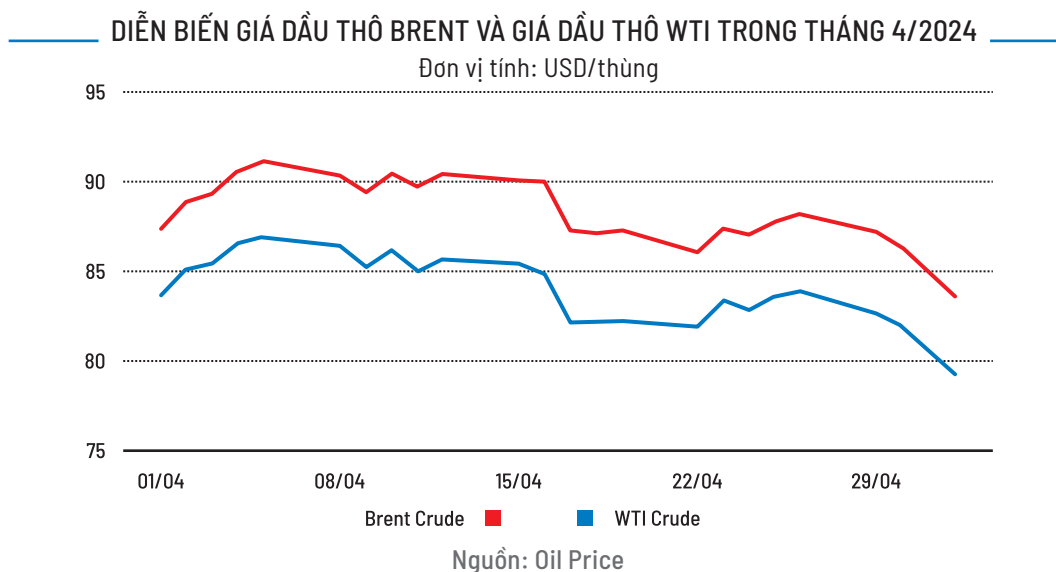
Tại châu Âu, nhiều quốc gia đã chuyển sang mua nhiều dầu của Mỹ hơn khi các chuyến hàng từ châu Á hiện mất nhiều thời gian hơn để vận chuyển. Nguyên nhân do các cuộc tấn công của Houthi nhằm vào hoạt động vận chuyển thương mại, các tàu chở dầu chủ yếu tránh tuyến Biển Đỏ/Kênh Suez và hướng tới Mũi Hảo Vọng vòng quanh Châu Phi.

Tại châu Á, nhu cầu dầu vẫn tăng cao khi hoạt động sản xuất dần phục hồi, đặc biệt trong tháng qua, Trung Quốc đã tăng cường việc mua dầu từ Nga và dự trữ nhiều hơn để đối phó với nguy cơ bị cấm vận từ Mỹ. Tuy nhiên, nhập khẩu của châu Á trong tháng 4 là 26,89 triệu thùng/ngày (bpd), giảm nhẹ từ mức 27,33 triệu thùng/ngày trong tháng 3, và nhiều hơn mức 26,68 triệu thùng/ngày trong tháng 2.

Mặt khác, trong khi dầu diesel đang có dấu hiệu suy yếu trên toàn cầu, thì dầu nhiên liệu, được sản xuất từ dầu nặng hơn lại tăng do nhu cầu theo mùa. Trong đó, khu vực Trung Đông có mức nhu cầu tiêu thụ cao nhằm phát điện trong những tháng mùa hè.

▪ *Diễn biến giá:*

Giá dầu trong tháng 4 có nhiều biến động tăng mạnh vào đầu tháng, tuy nhiên sau đó đã giảm dần và có xu hướng trở về mức ổn định. Việc nguồn cung dầu chưa bị tác động mạnh do các cuộc tấn công của Ukraine vào các nhà máy lọc dầu của Nga và khả năng mở rộng xung đột tại Trung Đông đã giúp kiềm chế giá dầu tăng mạnh trong tháng qua. Đồng thời, năng lực sản xuất dự phòng của OPEC + được ước tính gần 6 triệu thùng mỗi ngày đã góp phần chống lại sự gián đoạn nguồn cung tiềm năng, góp phần giúp giữ giá dầu trong tầm kiểm soát.



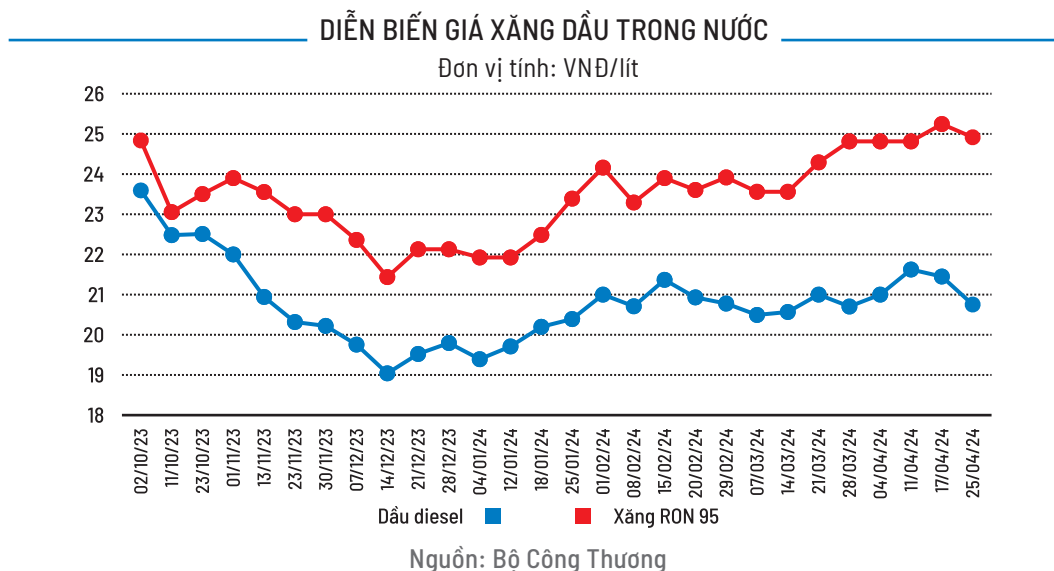
1.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 4, mặc dù chịu một số ảnh hưởng biến động từ thị trường quốc tế nhưng nguồn cung xăng dầu trong nước vẫn duy trì ổn định. Ngoài ra, khoảng 80% dầu thô cần cho hai nhà máy lọc dầu quan trọng trong nước là Dung Quất và Nghi Sơn vẫn được nhập khẩu từ nước ngoài.

Về tình hình kinh doanh xăng dầu, chiết khấu bán lẻ xăng dầu phổ biến ở mức 1.500 - 1.800 đồng/lít tại cả hai khu vực phía Bắc và phía Nam. Đây là mức chiết khấu khá cao trong bối cảnh giá bán lẻ xăng dầu tăng liên tục trong tháng 4.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

Giá xăng trong nước tháng 4 tăng 4,78%, giá dầu diezen tăng 2,01% so với tháng trước. Tính từ đầu năm đến hết tháng 4, giá xăng, dầu cùng có 10 lần tăng, 7 lần giảm.



1.2. Dự báo

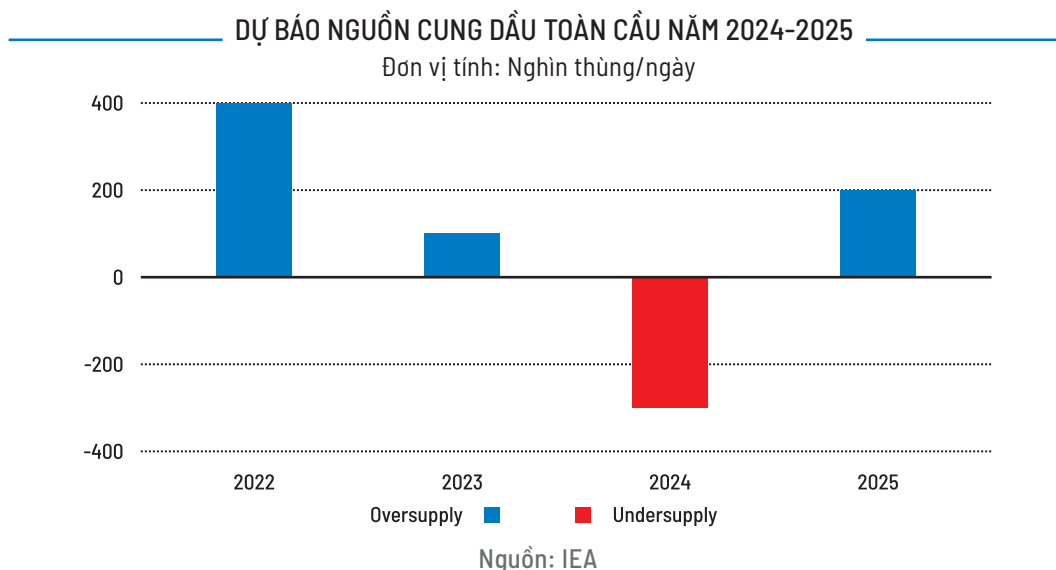
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Ngày 3/4, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh (OPEC+) quyết định giữ nguyên chính sách duy trì cắt giảm sản lượng tự nguyện 2,2 triệu thùng/ngày cho đến cuối tháng 6 năm nay và thúc ép một số nước tăng cường tuân thủ cắt giảm sản lượng dầu. Theo OPEC+, một số thành viên của nhóm sẽ bù đắp cho tình trạng dư cung trong quý I/2024 và Nga sẽ chuyển sang cắt giảm sản lượng thay vì hạn chế xuất khẩu.

Bên cạnh đó, ngày 12/4, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo thị trường xăng dầu toàn cầu sẽ rơi vào tình trạng dư nguồn cung vào năm 2025, phần lớn là do kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm. Theo đó, *IEA dự báo nguồn cung dầu toàn cầu dự kiến sẽ tăng 1,6 triệu thùng/ngày lên mức kỷ lục 104,5 triệu thùng/ngày trong năm 2025, gấp đôi mức tăng trưởng hàng ngày dự kiến là 800.000 thùng cho năm 2024.*

Trong khi đó, theo IEA các nước OPEC+, bao gồm cả Nga, đang tích cực cắt giảm sản lượng trong năm 2024 nhằm hạn chế dư thừa nguồn cung, nhưng nguồn cung đang tăng lên từ các quốc gia không thuộc OPEC+. Đặc biệt, *nguồn cung hàng ngày từ Mỹ được IEA dự báo sẽ tăng 650.000 thùng trong năm nay, sau đó là 540.000 thùng vào năm tới, đạt mức cao lịch sử ở Mỹ.*



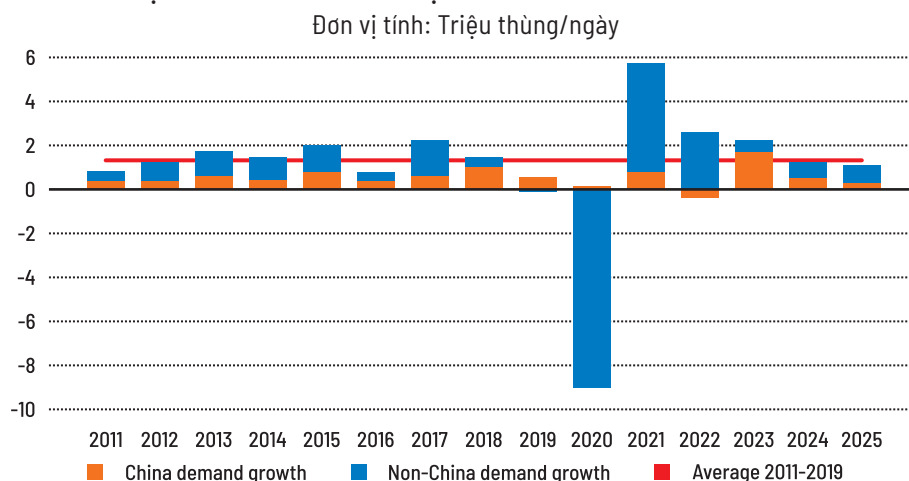
▪ **Cầu dầu mỏ:**

Trong báo cáo công bố ngày 11/4, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) vẫn giữ nguyên dự báo về tăng trưởng nhu cầu toàn cầu tương đối mạnh vào năm 2024. *OPEC dự báo nhu cầu dầu mỏ của thế giới sẽ tăng 2,25 triệu thùng/ngày trong năm 2024 và 1,85 triệu thùng/ngày trong năm 2025.* Cụ thể, vào mùa hè năm nay, *OPEC dự báo nhu cầu nhiên liệu máy bay/dầu hỏa toàn cầu sẽ tăng 600.000 thùng/ngày so với cùng kỳ năm ngoái, xăng tăng 400.000 thùng/ngày và dầu diesel tăng 200.000 thùng/ngày.*

Trái ngược với quan điểm lạc quan của OPEC, ngày 12/4, IEA đã điều chỉnh giảm dự đoán về tăng trưởng nhu cầu dầu trong năm nay do mức tiêu thụ thấp hơn dự kiến và hoạt động công nghiệp sụt giảm ở các nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). *IEA dự báo nhu cầu năm 2024 được điều chỉnh thấp hơn xuống 1,2 triệu thùng/ngày, thấp hơn khoảng 100.000 thùng/ngày so với ước tính tháng trước.*

Theo IEA, nhu cầu hàng ngày ở các nước OECD sẽ giảm 100.000 thùng, xuống còn 45,7 triệu thùng/ngày vào năm 2024. Điều này do các nước phát triển đang chuyển hướng sang những lĩnh vực khử cacbon. *Năm 2025, nhu cầu hàng ngày của OECD được dự báo sẽ giảm thêm 100.000 thùng/1 ngày, xuống mức chưa từng thấy từ năm 2021.* Xe điện và hiệu quả sử dụng năng lượng sẽ làm giảm nhu cầu. Với các nước không thuộc OECD, nhu cầu dầu hàng ngày trong năm 2024 sẽ tăng 1,3 triệu thùng, lên 57,5 triệu thùng/ngày. Sau đó, sản lượng sẽ tăng thêm 1,2 triệu thùng vào năm 2025, lên 58,7 triệu thùng/ngày.

DỰ BÁO NHU CẦU TIÊU THỤ DẦU TOÀN CẦU NĂM 2024-2025

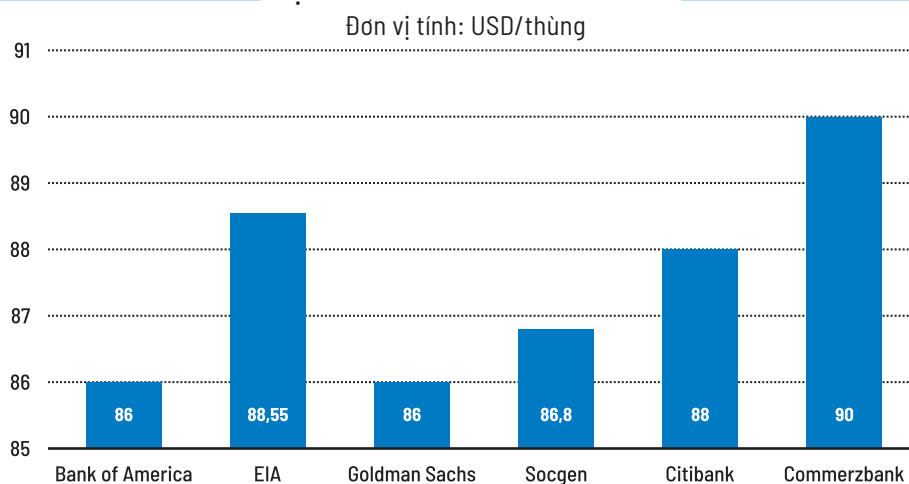


Nguồn: IEA

▪ **Diễn biến giá:**

Với điều kiện thị trường hiện tại, giá dầu trong ngắn hạn vẫn được dự báo khá lạc quan. Trong tháng qua, các tổ chức tài chính như Bank of America (BofA), Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA), Goldman Sachs và Bank of America (BofA)... đều đã điều chỉnh dự báo giá dầu Brent lên cao, do căng thẳng địa chính trị và việc hạn chế nguồn cung từ OPEC+.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT NĂM 2024



Nguồn: Vibiz tổng hợp

1.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu vào mùa hè năm 2024 trong nước sẽ tăng cao do nhu cầu du lịch, đi lại tăng mạnh. Bên cạnh đó, với sự tăng trưởng kinh tế dự kiến trong năm 2024, hoạt động sản xuất và kinh doanh sẽ phục hồi mạnh mẽ, góp phần vào việc tăng cường nhu cầu sử dụng năng lượng, bao gồm cả xăng và dầu diesel để vận chuyển hàng hóa, sản xuất.

Đặc biệt, trong tháng qua, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 25/4/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Kế hoạch). Theo đó, chú trọng phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ tại các tuyến đường mới, các khu đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, quy mô lớn, có lộ trình phù hợp giảm số cửa hàng xăng dầu quy mô nhỏ lẻ, không hiệu quả.

Bên cạnh đó, theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có cụ thể hóa các mục tiêu phát triển hạ tầng phục vụ dự trữ quốc gia, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu như sau:

- *Đối với hạ tầng dự trữ xăng dầu, phần đầu hạ tầng dự trữ sản xuất: Đảm bảo hạ tầng dự trữ dầu thô, nguyên liệu và sản phẩm theo thiết kế các nhà máy sản xuất và chế biến xăng dầu hoạt động ổn định, đáp ứng tối thiểu 20 ngày nhập ròng trong giai đoạn 2021-2030, đến 25 ngày nhập ròng giai đoạn sau năm 2030.*
- *Đối với hạ tầng dự trữ thương mại: Đảm bảo hạ tầng dự trữ thương mại ổn định nhu cầu thị trường trong nước với sức chứa tăng thêm từ 2.500.000-3.500.000 m³ trong giai đoạn 2021-2030, đạt sức chứa tối 10.500.000 m³ giai đoạn sau năm 2030, đáp ứng 30 - 35 ngày nhập ròng.*
- *Đối với hạ tầng dự trữ quốc gia: Đảm bảo hạ tầng phục vụ dự trữ quốc gia với sức chứa từ 500.000 - 1.000.000 m³ sản phẩm xăng dầu và 1.000.000 - 2.000.000 tấn dầu thô, đáp ứng 15-20 ngày nhập ròng trong giai đoạn 2021 - 2030; đảm bảo sức chứa từ 500.000 - 800.000 m³ sản phẩm xăng dầu và 2.000.000 - 3.000.000 tấn dầu thô, đáp ứng 25 - 30 ngày nhập ròng trong giai đoạn sau năm 2030.*

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí:*

Nguồn cung khí đốt toàn cầu tháng qua có xu hướng thu hẹp khi nguồn khí từ các nhà cung cấp lớn như Mỹ, Na Uy... bị hạn chế.

Tại Mỹ, sản lượng khí đốt đã giảm khoảng 3,1 tỷ feet khối xuống mức trung bình 97,7 tỷ feet khối mỗi ngày trong tháng 4 so với tháng trước, do việc giá thấp đã làm giảm động lực khai thác khí.

Bên cạnh đó, tình trạng ngừng hoạt động liên tục tại cơ sở hạ tầng của Na Uy, bao gồm các nhà máy xử lý khí đốt Nyhamna và Karsto, đã khiến xuất khẩu khí đốt từ nước này giảm mạnh trong tháng qua. Nguồn cung khí đốt qua đường ống từ Na Uy đã giảm 11%, xuống còn 273,8 triệu mét khối (mcm) mỗi ngày trong tuần cuối tháng 4.

Trong khi đó, Nga tiếp tục cung cấp một lượng lớn khí đốt vào thị trường Châu Âu thông qua trạm đo Sudzha ở vùng Kursk của Nga giáp giới với Ukraine, bất chấp việc châu Âu đã đưa ra nhiều biện pháp để giảm sự phụ thuộc vào khí đốt từ Nga.

▪ *Cầu khí:*

Trong tháng 2, tại thị trường châu Âu, nhu cầu khí đốt có xu hướng giảm do thời tiết ấm hơn và các kho lưu trữ khí đốt của châu Âu đang giữ ổn định ở mức cao kỷ lục khoảng 62%.

Trái ngược với thị trường châu Âu, nhu cầu khí LNG ở thị trường châu Á vẫn tăng cao, tuy nhiên các nhà nhập khẩu LNG hàng đầu châu Á như Ấn Độ, Trung Quốc... phải giảm hoạt động mua vào do chi phí vận chuyển LNG đã tăng mạnh khi các tàu chở khí phải đi vòng để tránh đi qua Biển Đỏ, nơi lực lượng Houthi tại Yemen đã tiến hành các cuộc tấn công tên lửa nhằm vào một số tàu chở hàng.

Tại Ấn Độ, ước tính nhập khẩu LNG trong tháng 4 đạt là 1,9 triệu tấn, giảm so với mức 2,26 triệu tấn trong tháng 3 và cũng thấp hơn mức 1,98 triệu tấn của tháng 4/2023.

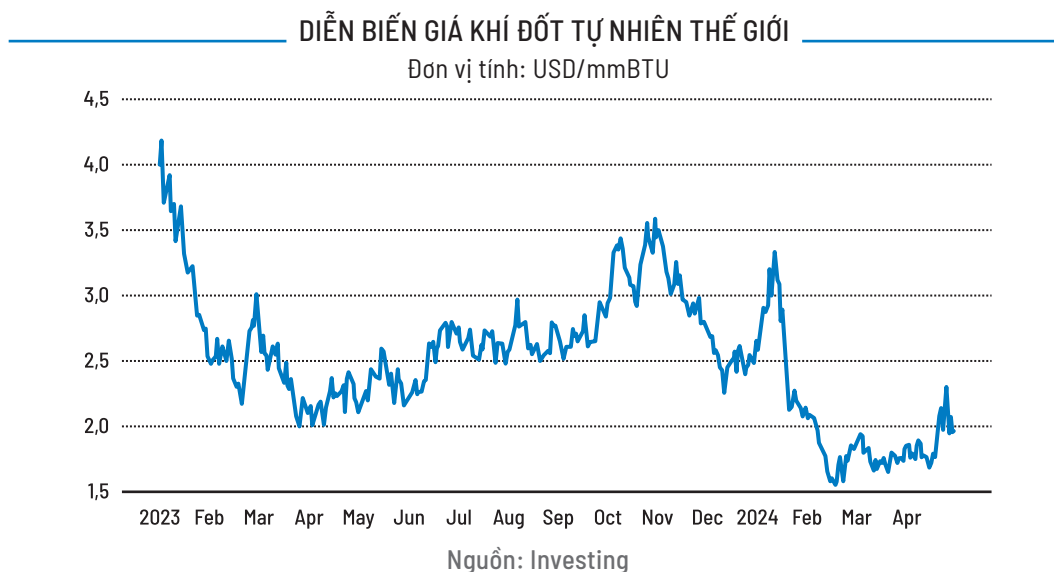
Tại Trung Quốc, quốc gia này ước tính nhập khẩu 6,14 triệu tấn LNG trong tháng này, giảm so với 6,64 triệu tấn trong tháng 3. Tuy nhiên vẫn cao hơn mức 5,31 triệu tấn của tháng 4/2023.

Tại Hàn Quốc, nước nhập khẩu LNG nhiều thứ ba thế giới ước tính nhập 4,12 triệu tấn trong tháng 4, tăng từ 3,93 triệu tấn trong tháng 3 và vượt đáng kể mức 3,23 triệu tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại Nhật Bản, nước mua LNG nhiều thứ hai thế giới cũng xuất hiện tình trạng giảm nhập khẩu LNG, ước tính Nhật Bản nhập khẩu khoảng 5,12 triệu tấn trong tháng 4, giảm so với mức 5,96 triệu tấn trong tháng 3, nhưng cao hơn mức 4,98 triệu tấn vào tháng 4/2023.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng qua, giá khí đốt tự nhiên toàn cầu đã có xu hướng tăng trở lại do lo ngại về nguồn cung và chịu tác động từ việc Nga tăng cường tấn công vào cơ sở hạ tầng năng lượng của Ukraine. Tuy nhiên sau đó đã có xu hướng ổn định trở lại trong bối cảnh kỳ vọng nhiệt độ ấm hơn sẽ hạn chế nhu cầu và phí bảo hiểm rủi ro do căng thẳng ở Trung Đông giảm bớt.



2.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường kinh doanh khí LPG trong tháng 4 tương đối ảm đạm trong bối cảnh giá khí liên tục biến động trong 4 tháng đầu năm, gây thiệt hại về chênh lệch hàng tồn kho và ảnh hưởng đến việc đảm bảo nguồn hàng cho các công ty kinh doanh khí LPG. Đồng thời, nhu cầu sử dụng gas bình giảm do người tiêu dùng chuyển sang dùng bếp từ, bếp điện, khiến sản lượng gas bình tại các khu đô thị đi xuống, mặt bằng giá bán giảm mạnh.

Giá gas trong nước tháng 4 giảm 1,08% so với tháng trước do từ ngày 1/4/2024, giá gas trong nước điều chỉnh giảm khoảng 5.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 18 USD/tấn so với tháng trước xuống mức 617,5 USD/tấn. Như vậy, tính từ đầu năm 2024 đến nay, giá gas đã có 3 lần tăng và 1 lần giảm.

Đáng chú ý, trong tháng 4, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) đã tiếp nhận 2 chuyến tàu LNG tại kho cảng LNG Thị Vải, kho cảng LNG đầu tiên tại Việt Nam, với tổng khối lượng 2 lần nhận gần 130.000 tấn LNG nhằm góp phần phục vụ nhu cầu sản xuất công nghiệp, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong mùa khô 2024, trong bối cảnh nguồn khí nội địa đang suy giảm mạnh hiện nay.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí:

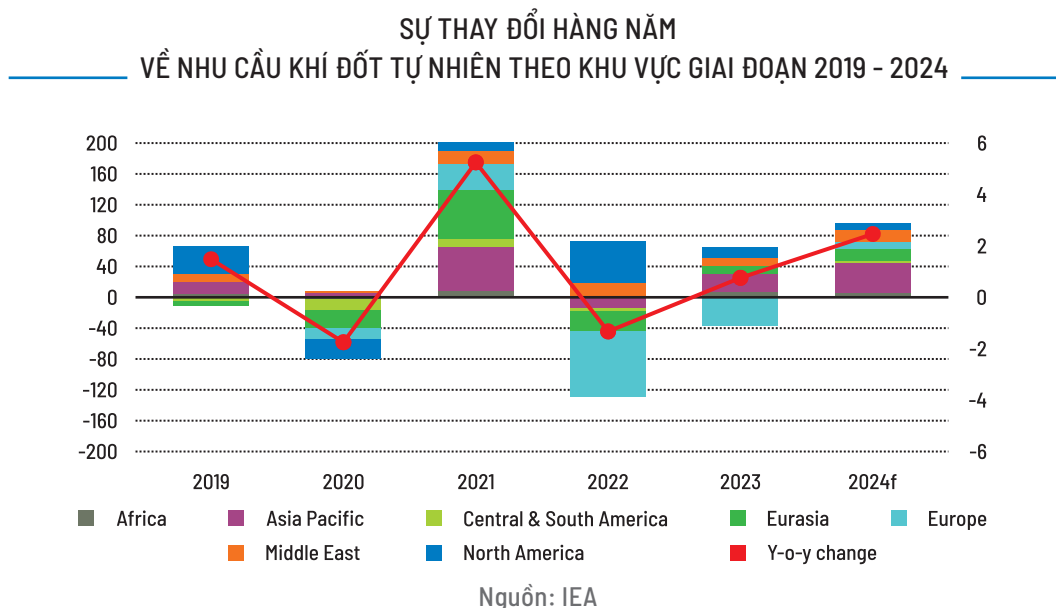
Ngày 11/4, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu thông qua các quy định cho phép các chính phủ châu Âu cấm nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) của Nga, bằng cách ngăn chặn các công ty Nga đăng ký đấu thầu công suất hạ tầng cần thiết để vận chuyển khí đốt và LNG qua đường ống vào châu Âu, điều này có thể sẽ làm gia tăng nguy cơ gián đoạn nguồn cung LNG tại châu Âu trong giai đoạn tới.

Bên cạnh đó, theo Morgan Stanley dự báo tình trạng dư cung trên thị trường khí đốt sẽ đạt mức cao nhất trong nhiều thập kỷ trong những năm tới, trong bối cảnh nhu cầu xuất khẩu LNG ngày càng tăng và các nhà máy xuất khẩu LNG mới dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động vào năm 2025.

▪ Cầu khí:

- Trong báo cáo công bố ngày 23/4, ngân hàng đầu tư Tudor Pickering Holt & Co dự báo thế giới có thể cần thêm tới 8,5 tỷ feet khối (khoảng 240 triệu m³) khí đốt tự nhiên mỗi ngày để đáp ứng nhu cầu gia tăng mạnh trong nửa cuối thập niên này. Thêm vào đó, việc các trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo (AI) sử dụng năng lượng tăng đột biến có thể thúc đẩy đáng kể nhu cầu khí đốt tự nhiên trong nửa cuối thập niên này.

Theo dự báo được công bố trong báo cáo về thị trường khí đốt được công bố tháng này, IEA dự báo thị trường châu Á sẽ là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng nhu cầu khí đốt vào năm 2024.



▪ *Diễn biến giá:*

Trong dự báo được công bố vào tháng 4, *Commerzbank dự báo giá khí đốt tự nhiên tại TTF sẽ đạt mức 35 euro/MWh vào cuối năm nay và 45 euro/MWh vào cuối năm 2025*, thấp hơn đáng kể so với mức được ghi nhận vào đầu năm 2023.

2.2.2. *Thị trường trong nước*

Dự báo trong thời gian tới nhu cầu khí tiếp tục giảm trước xu thế chuyển dịch năng lượng và việc cấp khí LNG cho các hộ tiêu thụ mới chưa có cơ chế để thực hiện. Thêm vào đó, nhu cầu sử dụng gas bình sẽ giảm sâu khi khách hàng ngày càng có xu hướng chuyển sang dùng các thiết bị điện để thay thế.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

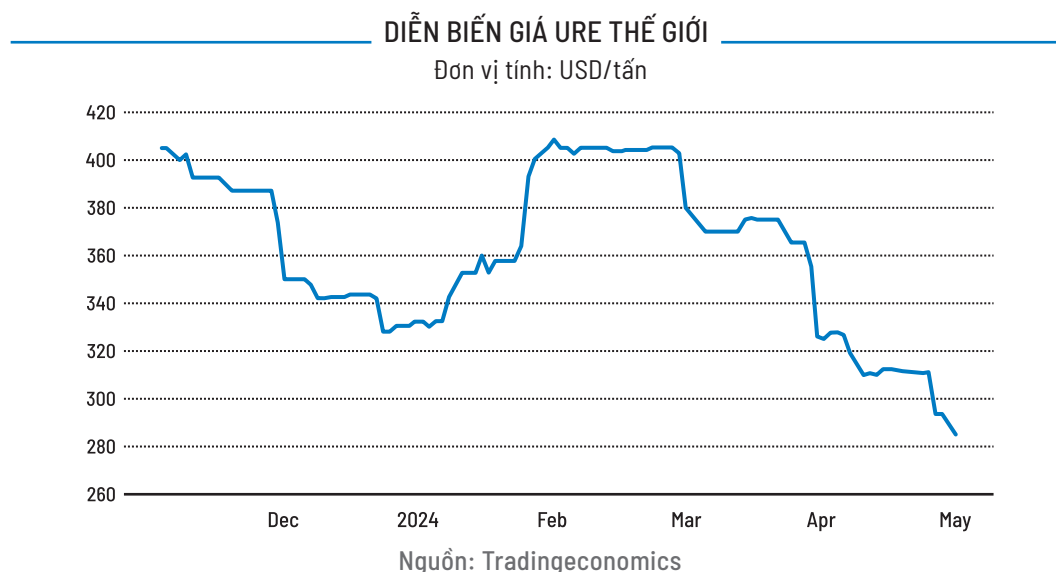
3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nguồn cung phân bón toàn cầu tiếp tục thắt chặt khi Trung Quốc và Nga tiếp tục hạn chế xuất khẩu ure để đảm bảo nguồn cung trong nước.

Mặt khác, châu Âu ngày càng phụ thuộc nguồn cung từ Nga, khi mà phân bón nhập khẩu từ Nga chiếm thị phần lớn hơn trên thị trường châu Âu, nhất là ure. Nguyên nhân do các nhà sản xuất phân bón của Nga được hưởng lợi từ chi phí năng lượng thấp hơn, do đó giá thành cũng rẻ hơn.

Trong tháng 4, giá phân bón giảm mạnh do giá khí đốt tự nhiên giảm. Giá ure đã giảm 45,50 USD/T, tức 13,77% kể từ đầu năm 2024, theo giao dịch trên hợp đồng chênh lệch (CFD).



3.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón trong nước tháng 4 khá trầm lắng tại hầu hết các khu vực, ngoài trừ gia tăng nhẹ đối với nhu cầu mua ure hạt đục tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Mặt khác, sản xuất và tiêu dùng phân bón trong nước hiện nay đang mất cân đối, trong khi các sản phẩm ure và phân lân dư thừa, thì nhiều sản phẩm phân bón khác như kali, phân bón vi lượng, phân bón hữu cơ vẫn thiếu hụt.

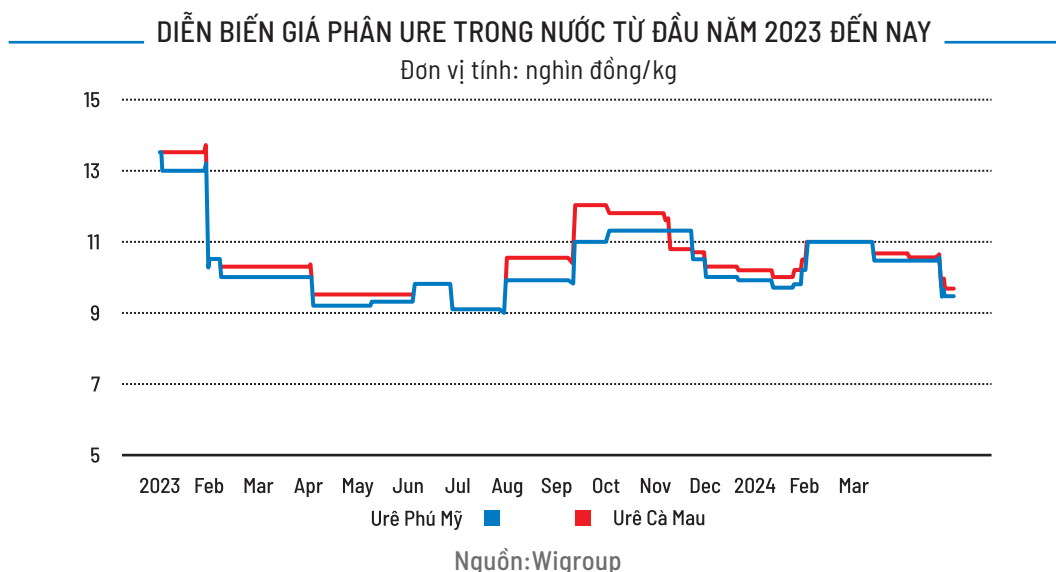
Hiện nhu cầu tiêu thụ phân bón của cả nước khoảng hơn 11 triệu tấn/năm, trong khi sản lượng phân bón công nghiệp sản xuất trong nước đạt khoảng gần 8 triệu tấn/năm.

Nhu cầu về ure cho sản xuất nông nghiệp trong nước chỉ khoảng 1,6 - 1,8 triệu tấn/năm. Thế nhưng năng lực sản xuất ure của 4 nhà máy trong nước gồm Đạm Cà Mau và Đạm Phú Mỹ (thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam); Đạm Ninh Bình và Đạm Hà Bắc (thuộc Tập đoàn hóa chất Việt Nam) đã đạt khoảng 3 triệu tấn.

Tương tự đối với phân lân, khi năng lực sản xuất phân bón supe lân đang dư thừa khoảng 1 - 1,1 triệu tấn/năm.

Trước tình trạng trên các doanh nghiệp sản xuất phân ure và phân lân đang triển khai nhiều giải pháp mở rộng thị trường xuất khẩu, tránh việc phải thu hẹp sản xuất. Tuy nhiên, hiện các doanh nghiệp xuất khẩu ure của Việt Nam đang bị cạnh tranh gay gắt bởi nguồn ure từ một số quốc gia trong khu vực như Indonesia, Malaysia, Brunei... nơi các nhà sản xuất không phải chịu thuế xuất khẩu 5%.

Trong tháng qua, do nguồn cung các loại phân bón như đạm ure, supe lân đang dư thừa so với nhu cầu tiêu thụ trong nước dẫn đến giá phân bón trong tháng 4 có xu hướng tiếp tục giảm mạnh.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Hiệp hội Phân bón Thế giới (IFA) dự báo, tổng nhu cầu tiêu thụ phân bón trên toàn cầu năm 2024 tăng khoảng 1,2%, chủ yếu nhờ nhu cầu phân bón tăng ổn định 5 - 7% tại khu vực Nam Á và Mỹ Latinh. Thêm vào đó, giá phân bón trên thị trường thế giới dự báo sẽ tăng nhẹ, do nhu cầu được cải thiện cũng như nguồn cung sẵn có trên thế giới ngày càng hạn chế.

3.2.2. Thị trường trong nước

Năm 2024, tình trạng El Nino được dự báo còn kéo dài đến nửa đầu tháng 5, sau đó mới chuyển dần sang trạng thái trung tính, do đó đầu vụ hè thu năm nay có thể sẽ nắng nóng và khô hạn kéo dài hơn mọi năm khiến nhu cầu sử dụng phân bón để trồng trọt có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên về dài hạn, nhu cầu mua phân bón để ở rộng sản xuất trong năm 2024 được dự báo sẽ tăng mạnh khi giá nông sản xuất khẩu đang được giá, nhất là mặt hàng gạo.

Bên cạnh đó, giá phân bón dự báo sẽ tăng nhẹ so với các năm trước trong nửa cuối năm 2024 do hai nhà cung cấp lớn của thế giới là Trung Quốc và Nga hạn chế xuất khẩu phân bón và các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước thúc đẩy xuất khẩu.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng qua tình trạng thiếu điện nghiêm trọng đã xảy ra tại nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt là khu vực các quốc gia đang phát triển như Ecuador, Ấn Độ, Colombia... do hiện tượng khí hậu El Nino gây ra nắng nóng và khô hạn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất tại các đập thủy điện.

Bên cạnh đó, tại Mỹ, các công ty điện lực cũng đang phải làm việc hết công suất để đáp ứng nhu cầu về điện do AI tạo ra. sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ sử dụng nhiều năng lượng như Generative AI đang vượt xa việc mở rộng hệ thống điện, dẫn đến những thách thức đáng kể cho các nhà cung cấp điện. Đặc biệt, trong tháng qua, trái ngược với các khu vực còn lại tại Mỹ, giá điện tại các bang Texas, California và Arizona của Mỹ đã giao dịch dưới mức 0 do nhu cầu thấp, nguồn năng lượng tái tạo dồi dào và việc bảo trì đường ống đã khiến khí đốt bị kẹt ở Texas.

Tại thị trường châu Âu, giá điện bất ngờ tăng vọt gấp ba mức trung bình hàng ngày do nguồn cung gió giảm mạnh. Hiện nay, năng lượng tái tạo đang chiếm một vị trí ngày càng quan trọng hơn trong nguồn cung ứng điện tại châu Âu. Trong hai ngày, 15/4 - 16/4, đại diện 23 quốc gia thành viên EU, Ủy ban châu Âu (EC) và các doanh nghiệp ngành công nghiệp điện mặt trời châu Âu đã ký một bản hiến chương nhằm bảo vệ và khuyến khích loại hình năng lượng tái tạo này.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 4, thời tiết nắng nóng gay gắt diễn ra ở cả 3 miền đã làm lượng điện tiêu thụ tăng cao kỷ lục, có ngày gần chạm mốc 1 tỷ kWh. Cụ thể, vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27-4, công suất cực đại toàn quốc đã lên tới 47.670 MW; sản lượng tiêu thụ toàn quốc ngày 26-4 đã lên tới 993 triệu kWh.

Riêng đối với khu vực miền Bắc, do đây mới chỉ là đợt nóng gay gắt đầu tiên diễn ra nên tiêu thụ điện miền Bắc dù tăng cao so với trước đó nhưng vẫn chưa tới mức đỉnh đã từng được ghi nhận trong quá khứ.

Tính từ đầu năm đến nay, nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tăng trưởng khoảng 11,2% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó miền Bắc tăng 11,3%, Trung 8,5%, Nam 11,7%.

Về nguồn điện, Việt Nam vẫn dựa chủ yếu vào điện than và điện khí. Đối với năng lượng tái tạo, dù điện mặt trời, điện gió đã tăng lên rất nhiều nhưng sản lượng đóng góp thực tế rất thấp.

Trong tháng qua, để đáp ứng nhu cầu trong nước, các doanh nghiệp cung ứng điện đã phải nhập nguồn khí hóa lỏng LNG với giá thành cao để cấp điện cho khu vực miền Nam, nhằm giảm bớt gánh nặng cung ứng điện cho hệ thống nhưng đồng nghĩa tăng sức ép giá điện rất lớn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến giá điện sinh hoạt tháng 4 tăng 0,27% so với tháng trước.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong dài hạn, xu hướng tăng sản lượng điện sạch từ năng lượng tái tạo bao gồm năng lượng điện gió, mặt trời...nhằm đa dạng hóa nguồn cung, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống không bền vững được dự báo sẽ gia tăng mạnh mẽ trên toàn thế giới.

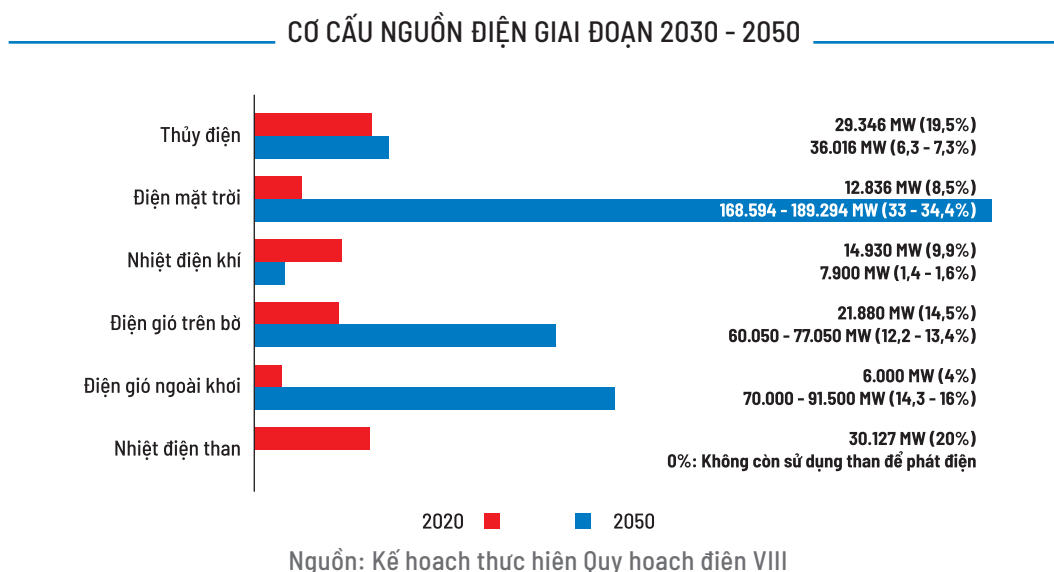
Ngoài ra, trong tương lai gần, các nhà cung ứng điện trên toàn thế giới được dự báo rằng sẽ ngày càng tập trung vào việc tối ưu hóa hệ thống truyền tải, áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc sản xuất nhằm tăng cường hiệu suất và giảm thiểu chi phí.

4.2.2. Thị trường trong nước

Tăng trưởng nhu cầu điện ở Việt Nam giai đoạn 2024 - 2025 được dự báo sẽ cao hơn tốc độ tăng trưởng nền kinh tế. Dự báo đến năm 2030, nhu cầu về điện của Việt Nam sẽ tăng gấp đôi hiện nay.

Trong ngắn hạn, nhu cầu tiêu thụ điện trong thời gian mùa khô năm nay (tháng 5 đến tháng 7) được dự báo tăng trưởng rất cao (lên đến 13%, cao hơn nhiều so với kế hoạch khoảng 9,6%), riêng miền Bắc dự kiến tăng kỷ lục 17% so với cùng kỳ năm 2023.

Ngày 1/4, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII). Theo đó, Chính phủ đặt mục tiêu chuyển dịch từ các nguồn điện truyền thống như nhiệt điện than sang các nguồn điện sạch hơn như: điện khí LNG, điện gió, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời...



Kế hoạch cũng dự kiến phát triển 300 MW các nguồn điện linh hoạt. Ưu tiên phát triển tại các khu vực có khả năng thiếu hụt công suất dự phòng, tận dụng hạ tầng lưới điện sẵn có.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 4/2024 với nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo đang tạo ra nhiều thách thức và cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng như PVN. Điều này đòi hỏi PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- *Nâng cao năng lực phòng vệ và ứng phó trước các cuộc tấn công an ninh mạng thông qua việc tăng cường áp dụng các biện pháp bảo mật, tổ chức đào tạo, tuyên truyền cách nhận diện các mối đe dọa tấn công mạng và hướng dẫn cách phản ứng khi xảy ra sự cố an ninh mạng... hướng đến việc xây dựng văn hóa an ninh mạng trong toàn Tập đoàn.*
- *Tối ưu hóa các nguồn lực trong chuỗi giá trị và hệ sinh thái của Tập đoàn nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả và tiết kiệm chi phí thông qua việc áp dụng các biện pháp cải tiến quy trình, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro chuỗi cung ứng của các nhà máy lọc hóa dầu, tăng cường hiệu suất làm việc...*
- *Tăng cường huy động vốn từ các tổ chức nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư, tích cực tìm kiếm các đề xuất nhằm tháo gỡ các nút thắt về cơ chế chính sách, khắc phục khó khăn và giảm thiểu sự trung gian, tập trung đầu mối nhằm thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của ngành năng lượng đang được Tập đoàn đầu tư, triển khai, đặc biệt là chuỗi Dự án khí điện Lô B - Ô Môn.*
- *Đẩy mạnh công tác thăm dò - khai thác, thúc đẩy gia tăng thu hồi dầu và phát triển mỏ nhỏ, cận biên, kết hợp với tăng cường áp dụng khoa học, trí tuệ nhân tạo, áp dụng những công nghệ, giải pháp mới góp phần gia tăng trữ lượng và hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản lượng giai đoạn 2021-2025.*
- *Triển khai nghiên cứu, phân tích dự báo và đánh giá theo từng kịch bản để nhận diện các khó khăn, rủi ro, cũng như nắm bắt cơ hội mở rộng thị trường, tăng cường thị phần cả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, có thể tìm kiếm phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, góp phần đáp ứng nhu cầu thị trường trong xu hướng chuyển dịch năng lượng và nhu cầu sử dụng năng lượng tái tạo ngày một tăng cao trong tương lai.*
- *Tiếp tục thực hiện ứng dụng hiệu quả hơn nữa văn hóa dầu khí, văn hóa phối hợp trong thực thi nhiệm vụ nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, gia tăng tốc độ kết nối/phối hợp giữa giữa các đơn vị, bộ phận qua đó nâng cao hiệu quả công việc trong toàn bộ Tập đoàn. Đồng thời, tăng cường triển khai các kế hoạch xây dựng văn hóa doanh nghiệp đi vào chiều sâu và có sự thống nhất từ trên xuống tại mọi đơn vị trong Tập đoàn.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2024

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 4 NĂM 2024

| TT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Tháng 4 năm 2024 | 4 tháng đầu năm 2024 | Tỷ lệ so sánh (%) | | | |
|-----|---|----------|------------------|----------------------|-------------------|--------|--------|--------|
| | | | | | A | B | C | D |
| 1 | Tăng trưởng GDP | | n/a | | | | | |
| 2 | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) | | n/a | | 100,8 | 106,3 | 106 | |
| 3 | Hoạt động của doanh nghiệp | | | | | | | |
| 3.1 | Thành lập mới | DN | 15.300 | 81.300 | 108,4 | 95,9 | 103 | |
| 3.2 | Quay lại hoạt động | DN | | | | | | |
| 3.3 | Rút lui khỏi thị trường | DN | | 86.400 | | | 112,2 | |
| | - Ngừng kinh doanh có thời hạn | DN | 7.618 | | 184,1 | 106,4 | | |
| | - Chờ làm thủ tục giải thể | DN | 4.656 | | 93,5 | 79,8 | | |
| | - Hoàn tất giải thể | DN | 1.344 | | 95,2 | 89,1 | | |
| 4 | Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội | Nghìn tỷ | | | | | | |
| 4.1 | Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN | Nghìn tỷ | 44 | 142,8 | 108,3 | 105,9 | | |
| 4.2 | Vốn FDI đăng ký | Tỷ USD | | 9,27 | | 104,5 | | |
| 4.3 | Vốn FDI thực hiện | Tỷ USD | | 6,28 | | 107,4 | | |
| 5 | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng | Nghìn tỷ | 522,1 | 2.062,3 | 109 | 108,5 | | |
| 6 | Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa | Tỷ USD | | | | | | |
| 6.1 | Tổng kim ngạch xuất khẩu | Tỷ USD | 30,94 | 123,64 | 91,9 | 110,6 | 115 | |
| 6.2 | Tổng kim ngạch nhập khẩu | Tỷ USD | 30,26 | 115,24 | 98 | 119,9 | 115,4 | |
| 6.3 | Cán cân thương mại | Tỷ USD | Xuất siêu 0,68 | Xuất siêu 8,4 | | | | |
| 7 | Chỉ số giá | | | | | | | |
| 7.1 | Chỉ số giá tiêu dùng | | | | 100,07 | 104,40 | 103,93 | 101,19 |
| 7.2 | Chỉ số giá vàng | | | | 106,95 | 128,62 | 120,75 | 117,01 |
| 7.3 | Chỉ số giá Đô la Mỹ | | | | 101,20 | 106,51 | 104,60 | 103,03 |
| 7.4 | Lạm phát cơ bản | | | | 100,17 | 102,79 | 102,81 | |

A: Tháng 4/2024 so với tháng 3/2024

B: Tháng 4/2024 so với tháng 4/2023

C: 4 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

D: Tháng 4/2024 so với tháng 12/2023



Ảnh bìa: Trong tháng qua, các tổ chức lớn trên thế giới đều đã đưa ra những dự báo lạc quan đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 và năm 2025.

CMIT



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện